

**BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**  
**KHOA KINH TẾ**



**BÁO CÁO THỰC TẬP TỐT NGHIỆP**

**Tên đề tài:**

**KẾ TOÁN BÁN HÀNG**  
**TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN EMIN**  
**CHI NHÁNH MIỀN NAM**

**Giảng viên hướng dẫn: HOÀNG VĂN THINH**  
**Sinh viên thực tập: PHẠM THỊ NGỌC ÁNH**  
**MSSV: VCI 18Q3409002**  
**Lớp: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP**  
**Khoá: CKT50.3A K3**

**TP Hồ Chí Minh 15 tháng 8 năm 2020**

## LỜI CẢM ƠN

Đề ngày hôm nay có được bài báo cáo thực tập tại doanh nghiệp hoàn chỉnh trên tay, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc nhất đến toàn thể các giảng viên khoa kinh tế, trường Cao đẳng Công thương Việt Nam – Cơ sở thành phố Hồ Chí Minh, đã tận tình giảng dạy và trang bị cho em những kiến thức, kinh nghiệm quý báu trong suốt quá trình học tập tại trường. Đặc biệt em xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến giảng viên Hoàng Văn Thịnh người đã tận tình giúp đỡ, chỉ dẫn em trong suốt quá trình học tập và thực hiện chuyên đề này.

Đồng thời, em cũng xin được gửi lời cảm ơn đến các anh chị đang công tác tại Công ty CP Emin Việt Nam- Chi nhánh miền Nam, đặc biệt là các chị ở phòng kế toán những người luôn nhiệt tình dành tất cả khoảng thời gian quý báu của mình để giúp đỡ em trong việc thu thập, tìm tài liệu cũng như chỉ dẫn cho em những bài học, kinh nghiệm sống và làm việc để ngày hôm nay em có được bài báo cáo thực tập xác thực và hoàn thiện.

Trong quá trình thực tập có lẽ cũng không thể thiếu những ý kiến đóng góp, sự giúp đỡ nhiệt tình của bạn bè và sự động viên của ba mẹ. Nhân đây em cũng xin cảm ơn tất cả mọi người đã quan tâm và giúp đỡ em để em có được thành công như ngày hôm nay để vững tin cho con đường tương lai.

Với điều kiện và thời gian thực tập có hạn cũng như kinh nghiệm còn hạn chế của một sinh viên thực tập nên chuyên đề sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự chỉ bảo, đóng góp ý kiến của các thầy cô cùng toàn thể các bạn để em có điều kiện bổ sung, nâng cao kiến thức của mình, phục vụ tốt hơn công tác thực tế sau này.

Em xin chân thành cảm ơn!

TP HCM Ngày 15 Tháng 8 Năm 2020.

Sinh viên thực hiện: Phạm Thị Ngọc Ánh.

**NHẬN XÉT CỦA DOANH NGHIỆP THỰC TẬP**

**NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN**

## LỜI MỞ ĐẦU

### 1. Lí do chọn đề tài

Nền kinh tế Việt Nam trong những năm gần đây có sự phát triển mạnh mẽ về cả chiều rộng và chiều sâu mở ra nhiều ngành nghề, đa dạng hoá nhiều ngành sản xuất. Như vậy các doanh nghiệp đang đứng trước cơ hội phát triển và những thách thức mới. Điều đó đòi hỏi các doanh nghiệp nếu không muốn bị đào thải thì phải không ngừng làm mới và hoàn thiện mình. Có nhiều yếu tố quyết định sự thành công của doanh nghiệp, và hoạt động bán hàng là một trong những hoạt động nòng cốt cho sự thành bại đó. Để đưa được những sản phẩm của doanh nghiệp mình đến thị trường và tận tay người tiêu dùng thì doanh nghiệp cần nâng cao hiệu quả trong quá trình hoạt động kinh doanh đặc biệt là hoạt động bán hàng phải được đặt lên hàng đầu. Nếu thực hiện tốt quá trình này doanh nghiệp sẽ có điều kiện thu hồi vốn bù đắp chi phí, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước, đầu tư phát triển và nâng cao đời sống cho người lao động.

Cũng như các doanh nghiệp khác Công ty cổ phần Emin- Chi nhánh miền Nam là một doanh nghiệp thương mại đã sử dụng kế toán để điều hành và quản lý mọi hoạt động của công ty. Trong đó kế toán tiêu thụ hàng hoá có nhiệm vụ theo dõi quá trình bán hàng, số lượng hàng hoá bán ra, chi phí bán hàng để cung cấp đầy đủ thông tin về doanh thu, chi phí từng kì sao cho nhanh và hiệu quả nhất.

Trong thời gian thực tập tại công ty, nhận thức được vấn đề tiêu thụ hàng hoá đồng thời được sự hướng dẫn của giảng viên và anh chị ở phòng kế toán công ty em thực hiện chuyên đề thực tập tốt nghiệp với đề tài: “ **Kế toán bán hàng tại Công ty cổ phần Emin- Chi nhánh miền Nam**” để nghiên cứu và viết chuyên đề thực tập tốt nghiệp.

Nội dung của chuyên đề được chia làm ba chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận chung về đề tài đã chọn.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán bán hàng tại Công ty cổ phần Emin- Chi nhánh miền Nam.

Chương 3: Đề xuất các kiến nghị và giải pháp

### 2. Mục tiêu nghiên cứu đề tài

Tổng hợp những vấn đề thực tiễn về tình hình ghi nhận doanh thu, giá vốn hàng bán và kết quả bán hàng tháng 06 năm 2020 tại công ty Emin – chi nhánh miền Nam. Trên cơ sở đó đề xuất một số biện pháp cải thiện công tác kế toán này cho công ty.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện đề tài này em đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu kế toán sau: phương pháp quan sát, phỏng vấn, phương pháp tổng hợp, và phương pháp phân tích.

### 4. Phạm vi nghiên cứu

Tình hình thực tế phát sinh tại Công ty cổ phần Emin – Chi nhánh miền Nam. Năm 2020 từ 01/06/2020 đến 30/06/2020.

## MỤC LỤC

### CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI ĐÃ CHỌN

|           |                                                            |    |
|-----------|------------------------------------------------------------|----|
| 1.1       | Cơ sở lý luận                                              | 11 |
| 1.1.1     | Sự cần thiết của tổ chức kế toán bán                       | 11 |
| 1.1.1.1   | Khái niệm bán hàng hóa                                     | 11 |
| 1.1.1.2   | Vai trò của bán hàng- tiêu thụ hàng hóa                    | 11 |
| 1.1.1.3   | Các phương thức bán hàng và phương thức thanh toán         | 12 |
| 1.1.2     | Kế toán tiêu thụ hàng hóa                                  | 13 |
| 1.1.2.1   | Yêu cầu quản lý quá trình kế toán bán hàng                 | 13 |
| 1.1.2.2   | Nhiệm vụ của bộ phận kế toán bán hàng                      | 13 |
| 1.1.2.3   | Các chuẩn mực kế toán hiện hành                            | 14 |
| 1.1.3     | Nội dung kế toán bán hàng tại doanh nghiệp                 | 15 |
| 1.1.3.1   | Các phương pháp hạch toán                                  | 15 |
| 1.1.3.2   | Chứng từ bộ phận kế toán bán hàng sử dụng                  | 15 |
| 1.1.3.3   | Kế toán giá vốn hàng bán                                   | 16 |
| 1.1.3.3.1 | Kết cấu tài khoản:                                         | 17 |
| 1.1.3.3.2 | Nội dung phản ánh tài khoản giá vốn hàng bán – TK 632      | 17 |
| 1.1.3.3.3 | Sơ đồ chữ T tài khoản giá vốn hàng bán TK 632:             | 18 |
| 1.1.3.4   | Kế toán doanh thu bán hàng                                 | 19 |
| 1.1.3.4.1 | Kết cấu tài khoản                                          | 19 |
| 1.1.3.4.2 | Nội dung phản ánh tài khoản doanh thu - TK 511             | 19 |
| 1.1.3.4.3 | Sơ đồ chữ T tài khoản doanh thu – TK 511:                  | 20 |
| 1.3.3.5   | Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu                       | 20 |
| 1.1.3.5.1 | Kết cấu tài khoản giảm trừ doanh thu - TK 521:             | 21 |
| 1.1.3.5.2 | Sơ đồ chữ T tài khoản giảm trừ doanh thu - TK 521:         | 21 |
| 1.1.3.5.3 | Nội dung phản ánh tài khoản giảm trừ doanh thu – 521:      | 22 |
| 1.1.4     | Kế toán xác định kết quả bán hàng                          | 22 |
| 1.1.4.1   | Kế toán chi phí bán hàng                                   | 22 |
| 1.1.4.1.1 | Kết cấu tài khoản chi phí bán hàng – TK 641:               | 22 |
| 1.1.4.1.2 | Sơ đồ chữ T tài khoản chi phí bán hàng – TK 641:           | 23 |
| 1.1.4.1.3 | Nội dung phản ánh tài khoản chi phí bán hàng – 641:        | 23 |
| 1.1.4.2   | Kế toán hàng tồn kho                                       | 24 |
| 1.1.4.2.1 | Kết cấu tài khoản hàng tồn kho – 156:                      | 24 |
| 1.1.4.2.2 | Nội dung phản ánh kế toán hàng tồn kho – TK 156:           | 25 |
| 1.1.4.2.3 | Sơ đồ chữ T tài khoản kế toán hàng tồn kho – TK 156:       | 26 |
| 1.1.5     | Vấn đề thừa – thiếu khi mua – bán hàng hóa                 | 26 |
| 1.1.6     | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:                            | 27 |
| 1.1.7     | Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa                       | 28 |
| 1.1.8     | Kế toán quản lý công nợ                                    | 28 |
| 1.1.8.1   | Kế toán quản lý công nợ đầu vào – TK 131.                  | 28 |
| 1.1.8.1.1 | Kết cấu tài khoản quản lý công nợ đầu vào – TK 131         | 28 |
| 1.1.8.1.2 | Nội dung phản ánh tài khoản quản lý công nợ đầu vào-TK131. | 29 |
| 1.1.8.1.3 | Sơ đồ chữ T tài khoản quản lý công nợ đầu vào – TK131:     | 30 |

|                                                                                            |                                                                                                  |    |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 1.1.8.2                                                                                    | Kế toán quản lý công nợ đầu ra – TK 331.                                                         | 30 |
| 1.1.8.2.1                                                                                  | Kết cấu tài khoản quản lý công nợ đầu ra – TK 331:                                               | 30 |
| 1.1.8.2.2                                                                                  | Sơ đồ chữ T tài khoản quản lý công nợ đầu ra – 331:                                              | 31 |
| 1.1.8.2.3                                                                                  | Nội dung phản ánh tài khoản quản lý công nợ đầu ra – TK331:                                      | 32 |
| 1.1.9                                                                                      | Kế toán quản lý các khoản thu hộ, chi hộ:                                                        | 33 |
| 1.1.9.1                                                                                    | Kế toán quản lý các khoản chi hộ - TK 138.                                                       | 33 |
| 1.1.9.1.1                                                                                  | Kết cấu tài khoản chi hộ - TK 138                                                                | 34 |
| 1.1.9.1.2                                                                                  | Sơ đồ chữ T tài khoản chi hộ - TK 138:                                                           | 34 |
| 1.1.9.1.3                                                                                  | Nội dung phản ánh tài khoản chi hộ - TK 138:                                                     | 34 |
| 1.1.9.2                                                                                    | Kế toán các khoản thu hộ - TK 338                                                                | 35 |
| 1.1.9.2.1                                                                                  | Kết cấu tài khoản thu hộ - TK 338:                                                               | 35 |
| 1.1.9.2.2                                                                                  | Sơ đồ chữ T tài khoản chi hộ - TK 338:                                                           | 36 |
| 1.1.9.2.3                                                                                  | Nội dung phản ánh tài khoản các khoản chi hộ - TK 338:                                           | 36 |
| <b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN EMIN – CHI NHÁNH MIỀN NAM</b> |                                                                                                  | 37 |
| 2.1                                                                                        | Đôi nét về công ty cổ phần Emin.                                                                 | 37 |
| 2.1.1                                                                                      | Quá trình hình thành và phát triển                                                               | 37 |
| 2.1.2                                                                                      | Cơ cấu tổ chức của công ty                                                                       | 37 |
| 2.1.3                                                                                      | Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận                                                           | 37 |
| 2.1.4                                                                                      | Chức năng và nhiệm vụ của bộ phận kế toán:                                                       | 38 |
| 2.2                                                                                        | Thực trạng công tác kế toán tại công ty Emin                                                     | 40 |
| 2.2.1                                                                                      | Kế toán mua hàng                                                                                 | 40 |
| 2.2.1.1                                                                                    | Khái quát                                                                                        | 40 |
| 2.2.1.2                                                                                    | Phương thức mua hàng                                                                             | 41 |
| 2.2.1.3                                                                                    | Phương thức thanh toán tiền hàng cho nhà cung cấp                                                | 44 |
| 2.2.1.4                                                                                    | Trình tự luân chuyển chứng từ mua hàng hóa nhập kho trên misa:                                   | 45 |
| 2.2.1.5                                                                                    | Nội dung hạch toán quá trình mua hàng                                                            | 47 |
| 2.2.1.5.1                                                                                  | Tài khoản sử dụng:                                                                               | 47 |
| 2.2.1.5.2                                                                                  | Nghiệp vụ thực tế phát sinh tại công ty:                                                         | 48 |
| 2.2.2                                                                                      | Kế toán theo dõi hàng tồn kho                                                                    | 49 |
| 2.2.3                                                                                      | Kế toán bán hàng hóa                                                                             | 49 |
| 2.2.3.1                                                                                    | Khái quát                                                                                        | 49 |
| 2.2.3.2                                                                                    | Trình tự luân chuyển hóa đơn                                                                     | 49 |
| 2.2.3.3                                                                                    | Trình tự luân chuyển hóa đơn bán hàng trên misa:                                                 | 51 |
| 2.2.3.4                                                                                    | Nội dung hạch toán quá trình bán hàng                                                            | 53 |
| 2.2.3.4.1                                                                                  | Tài khoản sử dụng:                                                                               | 53 |
| 2.2.3.4.2                                                                                  | Nghiệp vụ thực tế phát sinh tại công ty:                                                         | 54 |
| <b>CHƯƠNG 3: ĐƯA RA CÁC KIẾN NGHỊ VÀ GIẢI PHÁP</b>                                         |                                                                                                  | 56 |
| 3.1                                                                                        | Kết luận                                                                                         | 56 |
| 3.1.1                                                                                      | Điểm mạnh của công tác kế toán tại công ty cổ phần Emin – chi nhánh miền Nam.                    | 56 |
| 3.1.2                                                                                      | Một số hạn chế còn tồn tại trong công tác kế toán tại công ty cổ phần Emin – chi nhánh miền Nam. | 57 |
| 3.2                                                                                        | Đề nghị                                                                                          | 57 |

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

|        |                             |
|--------|-----------------------------|
| GTGT   | Giá trị gia tăng            |
| HTK    | Hàng tồn kho                |
| NVBH   | Nhân viên bán hàng          |
| TSCĐ   | Tài sản cố định             |
| XĐKQKD | Xác định kết quả kinh doanh |
| VL     | Vật liệu                    |
| CCDC   | Công cụ dụng cụ             |
| CKTM   | Chiết khấu thương mại       |
| GGHB   | Giảm giá hàng bán           |
| CKTT   | Chiết khấu thanh toán       |
| TTĐB   | Tiêu thụ đặc biệt           |
| TK     | Tài khoản                   |
| BVMT   | Bảo vệ môi trường           |
| XK     | Xuất khẩu                   |
| NXT    | Nhập xuất tồn               |
| CP     | Chi phí                     |
| CPSX   | Chi phí sản xuất            |
| GVHB   | Giá vốn hàng bán            |
| BHXXH  | Bảo hiểm xã hội             |
| BHYT   | Bảo hiểm y tế               |
| KPCĐ   | Kinh phí công đoàn          |
| GTCL   | Giá trị còn lại             |
| BĐS    | Bất động sản                |
| TH     | Trường hợp                  |
| TK     | Tài khoản                   |
| CP     | Cổ phần                     |
| TNHH   | Trách nhiệm hữu hạn         |
| PNK    | Phiếu nhập kho              |
| PXK    | Phiếu xuất kho              |

## DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

|                                                            |    |
|------------------------------------------------------------|----|
| Bảng 1. 1:Nội dung phản ánh tài khoản giá vốn hàng bán 632 | 17 |
| Bảng 1. 2: Kết cấu tài khoản 511                           | 19 |
| Bảng 1. 3: Kết cấu tài khoản 521                           | 21 |
| Bảng 1. 4: Kết cấu tài khoản 641                           | 22 |
| Bảng 1. 5: Kết cấu tài khoản 156                           | 25 |
| Bảng 1. 6: Kết cấu tài khoản 131                           | 29 |
| Bảng 1. 7: Kết cấu tài khoản 331                           | 31 |
| Bảng 1. 8: Kết cấu tài khoản chi hộ 138                    | 33 |
| Bảng 1. 9:Kết cấu tài khoản thu hộ 338                     | 35 |



## DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

|                                             |                                     |
|---------------------------------------------|-------------------------------------|
| Hình 1. 1: Sơ đồ chữ T tài khoản 632:       | 18                                  |
| Hình 1. 2: Sơ đồ chữ T tài khoản 511        | 20                                  |
| Hình 1. 3: Sơ đồ chữ T tài khoản 521:       | 21                                  |
| Hình 1. 4: Sơ đồ chữ T tài khoản 641:       | 23                                  |
| Hình 1. 5: Sơ đồ chữ T tài khoản 156:       | 26                                  |
| Hình 1. 6: Sơ đồ chữ T tài khoản 131:       | 30                                  |
| Hình 1. 7: Sơ đồ chữ T tài khoản 331:       | 32                                  |
| Hình 1. 8: Sơ đồ chữ T tài khoản chi hộ 138 | 34                                  |
| Hình 1. 9: Sơ đồ chữ T tài khoản 338        | <b>Error! Bookmark not defined.</b> |

|                                                                      |    |
|----------------------------------------------------------------------|----|
| Hình 2. 1: Sơ đồ tổ chức bộ máy công ty Emin:                        | 37 |
| Hình 2. 2: Sơ đồ kế toán tại Công ty Emin                            | 39 |
| Hình 2. 3: Sơ đồ phân hành kế toán công ty Emin - chi nhánh miền Nam | 39 |
| Hình 2. 4: Trình tự ghi sổ kế toán trên phần mềm máy tính            | 40 |
| Hình 2. 5: Quy trình mua hàng tại công ty cổ phần Emin               | 43 |
| Hình 2. 6: Giao diện chứng từ mua hàng hóa                           | 45 |
| Hình 2. 7: Giao diện tạo danh mục mã nhà cung cấp                    | 46 |
| Hình 2. 8: Giao diện tạo mã hàng hóa mới                             | 46 |
| Hình 2. 9: Giao diện kiểm tra phần trăm thuế GTGT                    | 47 |
| Hình 2. 10: Giao diện kiểm tra hóa đơn để lưu trữ                    | 47 |
| Hình 2. 11: Sơ đồ theo dõi hàng tồn kho                              | 49 |
| Hình 2. 12: Quy trình bán hàng tại công ty Emin                      | 50 |
| Hình 2. 13: Giao diện chứng từ bán hàng                              | 51 |
| Hình 2. 14: Giao diện khai báo hàng hóa bán                          | 52 |
| Hình 2. 15: Giao diện khai báo thông tin bán hàng                    | 53 |
| Hình 2. 16: Giao diện khai báo thông tin phiếu xuất kho              | 53 |

## CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI ĐÃ CHỌN

Áp dụng chế độ kế toán theo thông tư 200/2014/TT-BTC

### 1.1 Cơ sở lý luận

#### 1.1.1 Sự cần thiết của tổ chức kế toán bán

Trong nền kinh tế hiện nay, sự cạnh tranh thị trường của các doanh nghiệp đang diễn ra hết sức gay gắt. Hoạt động của doanh nghiệp thương mại diễn ra theo chu kì T-H-T' hay nói cách khác nó bao gồm hai giai đoạn mua và bán hàng hoá. Quá trình bán hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quan hệ cân đối sản xuất giữa các ngành, các đơn vị sản xuất trong từng ngành và đến quan hệ cung cầu trên thị trường. Nó còn đảm bảo cân đối giữa tiền và hàng trong lưu thông, đảm bảo cân đối sản xuất giữa ngành, các khu vực trong nền kinh tế quốc dân.

Đối với các doanh nghiệp thương mại, thì việc bán hàng có ý nghĩa rất to lớn, bán hàng mới có thể đem lại lợi nhuận cho doanh nghiệp và bù đắp được chi phí đã bỏ ra, không những thế nó còn phản ánh năng lực kinh doanh và vị thế của doanh nghiệp trên thị trường. Kế toán bán hàng là một trong những nội dung chủ yếu của công tác kế toán phản ánh hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp trong một thời kỳ. Với ý nghĩa to lớn đó, kế toán bán hàng đòi hỏi các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường áp dụng các biện pháp phù hợp với doanh nghiệp mình mà vẫn khoa học, đúng chế độ kế toán do Nhà nước ban hành. Để hiểu chi tiết hơn, chúng ta cùng xem xét đến các khái niệm, quy trình mua- bán hàng hóa, từ đó cho thấy vai trò quan trọng của kế toán bán hàng tại đơn vị.

##### 1.1.1.1 Khái niệm bán hàng hóa

Mua bán hàng hóa là hoạt động thương mại, **theo** đó bên bán có nghĩa vụ giao hàng, chuyển quyền sở hữu hàng hóa cho bên mua và nhận thanh toán; bên mua có nghĩa vụ thanh toán cho bên bán, nhận hàng và quyền sở hữu hàng hóa theo thỏa thuận. Hay nói cách khác bán hàng là hoạt động thực hiện sự trao đổi sản phẩm hay dịch vụ của người bán chuyển cho người mua để được nhận lại từ người mua tiền, vật phẩm hoặc giá trị trao đổi đã thỏa thuận. Vì thế bản chất thực sự của bán hàng hóa chính là:

Thứ nhất: về mặt kinh tế thì bản chất của bán hàng hóa là sự thay đổi hình thái giá trị, hàng hóa được chuyển từ hình thái hiện vật sang hình thái tiền tệ, lúc này thì một chu kì kinh doanh đã kết thúc, tức là vòng chu chuyển của vốn kinh doanh đã hoàn thành.

Thứ hai: về mặt hành vi thì bản chất của bán hàng lại là một quá trình kinh tế từ việc tổ chức thực hiện trao đổi, mua bán thông qua các khâu nghiệp vụ kinh tế kĩ thuật, đến các hành vi mua bán cụ thể nhằm thực hiện chức năng nhiệm vụ của doanh nghiệp trong việc thực hiện mục tiêu của mình.

##### 1.1.1.2 Vai trò của bán hàng- tiêu thụ hàng hóa

Đối với xã hội: tiêu thụ cung cấp hàng hóa cần thiết, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội một cách đầy đủ kịp thời cả về số lượng và chất lượng tiêu thụ. Tiêu thụ hàng hóa còn là điều kiện để tiến hành tái sản xuất xã hội, định hướng cho các ngành sản xuất, dịch vụ và cung cấp những gì thị trường cần. Từ đó hoạt động

tiêu thụ trở thành yếu tố kích thích sản xuất phát triển để đạt được cân bằng giữa cung và cầu, giữa sản xuất và tiêu dùng đồng thời nó cũng là điều kiện để đảm bảo sự phát triển cân đối trong từng ngành, từng khu vực cũng như trong toàn nền kinh tế quốc dân. Sản phẩm hàng hóa được tiêu thụ tạo điều kiện cho hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra bình thường trôi chảy tránh được sự mất cân đối, giữ được bình ổn trong xã hội.

Đối với doanh nghiệp thương mại: tiêu thụ hàng hóa đóng vai trò quan trọng quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp, vì tiêu thụ được sản phẩm hàng hóa thì hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mới diễn ra thường xuyên liên tục, giúp doanh nghiệp bù đắp được những chi phí, có lợi nhuận đảm bảo cho quá trình tái sản xuất và tái sản xuất mở rộng. Là điều kiện để thực hiện các mục tiêu của doanh nghiệp, đặc biệt tập trung vào mục tiêu giảm chi phí và tăng lợi nhuận. Bởi khi khối lượng hàng hóa tiêu thụ tăng lên thì chi phí bình quân của một đơn vị sản phẩm giảm từ đó làm tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Tiêu thụ hàng hóa làm tăng uy tín của doanh nghiệp cũng như làm tăng thị phần của doanh nghiệp trên thị trường. Bởi vì khi sản phẩm của doanh nghiệp được tiêu thụ, tức là nó đã được người tiêu dùng chấp nhận để thỏa mãn một nhu cầu nào đó. Sức tiêu thụ hàng hóa của doanh nghiệp thể hiện mức bán ra, sự thích ứng với nhu cầu người tiêu dùng và khối lượng hàng hóa tiêu thụ càng tăng thì thị phần của doanh nghiệp càng cao.

### **1.1.1.3 Các phương thức bán hàng và phương thức thanh toán**

#### **1.1.1.3.1 Phương thức bán hàng:**

Hoạt động mua bán hàng- tiêu thụ hàng hóa của doanh nghiệp thương mại có thể thực hiện qua các hình thức sau:

- Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp:
  - + Bán lẻ
  - + Bán buôn
- Tiêu thụ phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận
- Tiêu thụ theo phương thức bán hàng đại lí, kí gửi
- Tiêu thụ theo phương thức bán hàng trả góp
- Tiêu thụ theo phương thức nội bộ

#### **1.1.1.3.2 Phương thức thanh toán**

- Phương thức thanh toán trực tiếp: Là phương thức thanh toán mà quyền sở hữu về tiền tệ được chuyển giao từ người mua sang người bán ngay sau khi quyền sở hữu về hàng hóa được chuyển giao từ người bán sang người mua. Thanh toán trực tiếp có thể bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng,... Tất cả các hóa đơn trên hai mươi triệu đồng bắt buộc phải thanh toán qua ngân hàng mới được tính là chi phí hợp lí
- Phương thức thanh toán trả chậm: Thời điểm thanh toán tiền hàng sẽ diễn ra sau thời điểm ghi nhận quyền sở hữu về hàng hóa. Thông thường doanh nghiệp bán sẽ đặt điều kiện tín dụng cho doanh nghiệp mua trong đó quy định về thời hạn thanh toán cho phép, thời hạn thanh toán được

hưởng chiết khấu thanh toán, tỷ lệ chiết khấu thanh toán được hưởng (nếu có).

## **1.1.2 Kế toán tiêu thụ hàng hóa**

### **1.1.2.1 Yêu cầu quản lý quá trình kế toán bán hàng**

Quản lý quá trình bán hàng và kết quả bán hàng là một yêu cầu thực tế, nó xuất phát từ mục tiêu của doanh nghiệp. Nếu doanh nghiệp quản lý tốt khâu bán hàng thì mới đảm bảo được chỉ tiêu hoàn thành kế hoạch tiêu thụ và đánh giá chính xác hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Xuất phát từ ý nghĩa của quá trình bán hàng và xác định kết quả bán hàng mà việc quản lý quá trình này cần bám sát các yêu cầu cơ bản sau:

- Tính toán đúng đắn giá vốn của hàng hoá và dịch vụ đã cung cấp, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và các chi phí khác nhằm xác định kết quả bán hàng.
- Kiểm tra, đối chiếu số liệu mua bán hàng trên phần mềm với số liệu kho và công nợ tránh trường hợp mất mát, thất thoát, ứ đọng vốn.
- Quản lý chất lượng, cải tiến mẫu mã và xây dựng thương hiệu sản phẩm là mục tiêu cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.
- Đối với việc hạch toán tiêu thụ phải tổ chức chặt chẽ, khoa học đảm bảo việc xác định kết quả cuối cùng của quá trình tiêu thụ hàng hóa.
- Quản lý chặt chẽ vốn của thành phẩm đem tiêu thụ, giám sát chặt chẽ các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các số liệu, đồng thời phân bổ cho hàng tiêu thụ, đảm bảo cho việc xác định tiêu thụ được chính xác, hợp lý.
- Cung cấp thông tin chính xác trung thực, lập quyết toán đầy đủ kịp thời để đánh giá đúng hiệu quả kinh doanh cũng như tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.

### **1.1.2.2 Nhiệm vụ của bộ phận kế toán bán hàng**

Trong nền kinh tế thị trường, kế toán được sử dụng như một công cụ đắc lực không thể thiếu đối với mỗi doanh nghiệp cũng như đối với sự quản lý vĩ mô của nhà nước. Chính vì vậy kế toán bán hàng cần thực hiện các nhiệm vụ cơ bản sau:

- Ghi chép phản ánh kịp thời, đầy đủ và chính xác tình hình tiêu thụ hàng hóa của doanh nghiệp trong cả kì về số lượng và giá trị hàng hóa bán trên tổng số, từng mặt hàng, từng địa điểm bán hàng, từng phương thức bán hàng.
- Tính toán và phản ánh chính xác tổng giá trị thanh toán của hàng hóa dịch vụ bán ra, gồm cả doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ, thuế GTGT đầu ra của từng nhóm mặt hàng khác nhau, từng hóa đơn bán hàng, từng khách hàng hay từng đơn vị trực thuộc,...
- Xác định giá mua thực tế của lượng hàng hóa được tiêu thụ, đồng thời phân bổ chi phí mua hàng cho hàng tiêu thụ nhằm xác định kết quả bán hàng.

- Kiểm tra chặt chẽ, đôn đốc tình hình thu hồi đồng thời quản lý tiền hàng, quản lý khách hàng nợ, theo dõi từng khách hàng, lô hàng, số tiền khách nợ, thời hạn và tình hình trả nợ,...
- Báo cáo kịp thời, thường xuyên tình hình tiêu thụ, thanh toán, đảm bảo đáp ứng nhu cầu quản lý và giám sát chặt chẽ bán hàng.
- Tập hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời các khoản bán hàng thực tế phát sinh và kết chuyển các chi phí bán hàng cho hàng tiêu thụ làm căn cứ để xác định kết quả kinh doanh.
- Theo dõi hàng NXT kho, tổ chức kiểm kê hàng hóa theo quy định để báo cáo kịp thời hàng tồn kho.
- Cung cấp thông tin cần thiết về tình hình bán hàng hóa dịch vụ phục vụ cho việc chỉ đạo và điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Tham mưu cho lãnh đạo về các giải pháp để thúc đẩy quá trình tiêu thụ hàng hóa, kịp thời đưa ra những chính sách điều chỉnh thích hợp với thị trường.
- Chấp hành đúng đắn chế độ tài chính và Luật kế toán do Nhà nước ban hành về chứng từ, sổ sách nhập, xuất, bán hàng và khai báo thuế.

**Kết luận:** Kế toán bán hàng thực hiện tốt nhiệm vụ của mình sẽ đem lại hiệu quả thiết thực cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, bên cạnh đó các con số phản ánh một cách chân thực và sinh động nhất về hoạt động sản xuất kinh doanh, giúp cho người sử dụng thông tin kế toán nắm được toàn diện hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và nhà quản lý có những hoạt động kịp thời, phù hợp với tình hình biến động của thị trường để có những bước đi đúng đắn cho việc lập kế hoạch, từng bước chiếm lĩnh thị trường và đem lại sự thành công cho doanh nghiệp trong tương lai.

#### **1.1.2.3 Các chuẩn mực kế toán hiện hành**

Chuẩn mực 01 (VAS\_01) “Chuẩn mực chung” : chuẩn mực này quy định và hướng dẫn các nguyên tắc và yêu cầu kế toán cơ bản, các yếu tố và ghi nhận các yếu tố của báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Vì vậy tất cả các nghiệp vụ kế toán đều bị chi phối bởi “Chuẩn mực chung”.

Chuẩn mực 02 (VAS\_02) “Hàng tồn kho” : chuẩn mực này là quy định và hướng dẫn các nguyên tắc và phương pháp kế toán hàng tồn kho. xác định giá trị và kế toán hàng tồn kho vào chi phí; ghi giảm giá trị hàng tồn kho cho phù hợp với giá trị thuần có thể thực hiện được và phương pháp tính giá trị hàng tồn kho làm cơ sở ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính.

Chuẩn mực 14 (VAS\_14) “Doanh thu và thu nhập khác” : Trong kế toán bán hàng, một trong những công việc quan trọng phải nhắc đến là xác định thời điểm ghi nhận doanh thu và phương pháp xác định kế toán doanh thu.

### **1.1.3 Nội dung kế toán bán hàng tại doanh nghiệp**

#### **1.1.3.1 Các phương pháp hạch toán**

Theo kế toán tại thông tư 200/2014/TT-BTC và thông tư 133/2016/TT-BTC thì có hai phương pháp hạch toán, doanh nghiệp có thể chọn một trong hai phương pháp: Kế khai thường xuyên hoặc kiểm kê định kỳ.

- Phương pháp kê khai thường xuyên: Là phương pháp theo dõi và phản ánh thường xuyên, liên tục, có hệ thống tình hình nhập, xuất, tồn, vật tư hàng hóa trên sổ kế toán, các tài khoản kế toán được dùng để phản ánh số hiện có, tình hình biến động tăng giảm của vật tư, hàng hóa. Vì vậy giá trị hàng tồn kho trên sổ kế toán có thể được xác định ở bất kì thời điểm nào trong kì kế toán. Cuối kì kế toán, căn cứ vào số liệu kiểm kê thực tế hàng tồn kho, so sánh, đối chiếu với số liệu hàng tồn kho trên sổ kế toán, số tồn kho thực tế phải luôn phù hợp với số tồn kho trên sổ kế toán nếu có chênh lệch phải truy tìm nguyên nhân và có giải pháp xử lý kịp thời. Phương pháp kê khai thường xuyên áp dụng cho các doanh nghiệp sản xuất (công nghiệp, xây lắp,...) và các doanh nghiệp, thương nghiệp kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn như máy móc, thiết bị, hàng có kĩ thuật chất lượng cao,...

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Hàng hóa} & & \text{Hàng hóa} & & \text{Hàng hóa} & & \text{Hàng hóa} \\ \text{xuất kho} & = & \text{tồn kho} & + & \text{nhập kho} & - & \text{tồn kho} \\ \text{trong kì} & & \text{đầu kì} & & \text{trong kì} & & \text{cuối kì} \end{array}$$

- Phương pháp kiểm kê định kì: là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị hàng tồn kho cuối kì vật tư, hàng hóa trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính giá trị của hàng hóa, vật tư đã xuất trong kì. Theo phương pháp này thì mọi biến động của vật tư, hàng hóa (nhập kho, xuất kho) không theo dõi, phản ánh trên các tài khoản kế toán hàng tồn kho, công tác kiểm kê được tiến hành mỗi cuối kì kế toán để xác định giá trị vật tư, hàng hóa tồn kho thực tế làm căn cứ ghi sổ kế toán của tài khoản 611 “mua hàng”, như vậy tài khoản kế toán hàng tồn kho chỉ sử dụng ở đầu kì kế toán và cuối kì kế toán. Phương pháp kiểm kê định kì thường áp dụng ở các doanh nghiệp có nhiều chủng loại hàng hóa, vật tư với nhiều quy cách mẫu mã khác nhau, giá trị thấp, bán thường xuyên.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Hàng hóa} & & \text{Hàng hóa} & & \text{Hàng hóa} & & \text{Hàng hóa} \\ \text{xuất kho} & = & \text{tồn kho} & + & \text{nhập kho} & - & \text{tồn kho} \\ \text{trong kì} & & \text{đầu kì} & & \text{trong kì} & & \text{cuối kì} \end{array}$$

#### 1.1.3.2 Chứng từ bộ phận kế toán bán hàng sử dụng

Chứng từ kế toán là cách chứng minh bằng giấy tờ về nghiệp vụ kinh tế tài chính đã phát sinh và thực sự hoàn thành, làm cơ sở ghi sổ kế toán. Mọi thông tin ghi trong sổ sách kế toán bắt buộc phải được chứng minh bằng chứng từ kế toán hợp pháp, hợp lệ.

Sổ sách kế toán là các loại sổ sách ghi nhận tất cả các chứng từ phát sinh trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, là cơ sở để tổng hợp làm các báo cáo, là tài liệu phục vụ công tác tra cứu sau này.

- Chứng từ sử dụng:
  - + Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho.
  - + Hóa đơn GTGT.
  - + Hóa đơn bán lẻ.

- + Phiếu thu, phiếu chi.
- + Giấy báo có, giấy báo nợ.
- + Các chứng từ khác liên quan.
- Sổ sách sử dụng:
  - + Sổ chi tiết hàng hóa.
  - + Sổ nhật ký chung.
  - + Sổ nhật ký thu tiền
  - + Sổ nhật ký chi tiền
  - + Nhật ký mua hàng.
  - + Nhật ký bán hàng.

### 1.1.3.3 Kế toán giá vốn hàng bán

Khái niệm giá vốn hàng bán: là giá trị vốn của hàng bán đã tiêu thụ trong một khoảng thời gian cụ thể (trong một kỳ). Giá vốn hàng bán bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến quá trình tạo ra sản phẩm.

Khi bán vật tư, hàng hóa kèm thiết bị, phụ tùng thay thế thì giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán bán hàng phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có). Vì vậy, để xác định đúng kết quả bán hàng cần xác định đúng giá vốn hàng bán.

Phương pháp xác định giá vốn: do hàng hóa, nguyên liệu đầu vào mua về nhập kho (hoặc bán ngay hay gửi bán đối với hàng hóa)... được mua từ những nguồn khác nhau vào những thời điểm khác nhau nên giá trị thực tế của chúng không hoàn toàn giống nhau. Do vậy cần phải tính giá trị thực tế của hàng xuất kho, tùy theo từng đặc điểm hoạt động tổ chức kinh doanh của mình mà các doanh nghiệp có thể áp dụng một trong những phương pháp sau:

- Phương pháp FiFo (nhập trước, xuất trước): là phương pháp được tuân thủ theo nguyên tắc hàng nhập kho trước sẽ được xuất bán trước. Giá mua thực tế của hàng hóa xuất kho được tính bằng trị giá mua thực tế của lô hàng nhập trước.
- Phương pháp bình quân gia quyền: là phương pháp mà giá trị hàng hóa tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị hàng hóa được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc mỗi khi nhập một hàng hóa về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

Giá thực tế xuất kho = Số lượng hàng xuất kho x Đơn giá bình quân.

- Phương pháp thực tế đích danh: thích hợp với những doanh nghiệp có điều kiện bảo quản riêng đơn chiếc hay từng lô hàng hóa nhập kho. Khi xuất kho lô nào thì tính theo giá thực tế nhập đích danh lô đó. Ưu điểm của phương pháp này là công tác tính giá hàng hóa được kịp thời, và thông qua việc tính giá hàng hóa xuất kho kế toán có thể theo dõi được thời hạn bảo quản đơn chiếc hay từng lô hàng hóa. Tuy nhiên, để áp dụng được phương pháp này thì điều kiện cốt yếu là hệ thống kho của doanh nghiệp cho phép bảo quản riêng từng lô hàng nhập kho.

### 1.1.3.3.1 Kết cấu tài khoản:

**Bảng 1. 1:Nội dung phản ánh tài khoản giá vốn hàng bán 632**

| Bên nợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Bên có                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kì.</li> <li>- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.</li> <li>- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.</li> <li>- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.</li> <li>- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn năm trước chưa sử dụng hết).</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trị giá hàng bán bị trả nhập lại kho.</li> <li>- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kì sang tài khoản 911 " Xác định kết quả kinh doanh".</li> <li>- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).</li> <li>- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau mua hàng đã tiêu thụ.</li> <li>- Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.</li> </ul> |
| Tài khoản 632 không có số dư cuối kì                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |

### 1.1.3.3.2 Nội dung phản ánh tài khoản giá vốn hàng bán – TK 632

Doanh nghiệp sử dụng một trong hai phương pháp: hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên hoặc hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kì. Tuy nhiên trong phạm vi nghiên cứu bài này chúng ta chỉ xét đến giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Khi xuất bán hàng hóa trong kì:  
Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán.  
Có TK 156 – Giá mua hàng hóa.
- Khoản hao hụt mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ ( - ) phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra:  
Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán  
Có TK 156,153,138 ...
- Hàng bán trả lại nhập kho:  
Nợ TK 156  
Có TK 632 – Giá vốn hàng bán
- Trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK:  
+ TH1: Số dự phòng giảm giá HTK phải lập kì này lớn hơn số đã lập kì trước, kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch:  
Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán



Có TK 229 – Dự phòng tổn thất tài sản  
 + TH2: Số dự phòng giảm giá HTK phải lập kì này nhỏ hơn số đã lập kì trước, kế toán hoàn nhập phần chênh lệch:

Nợ TK 229 – Dự phòng tổn thất tài sản

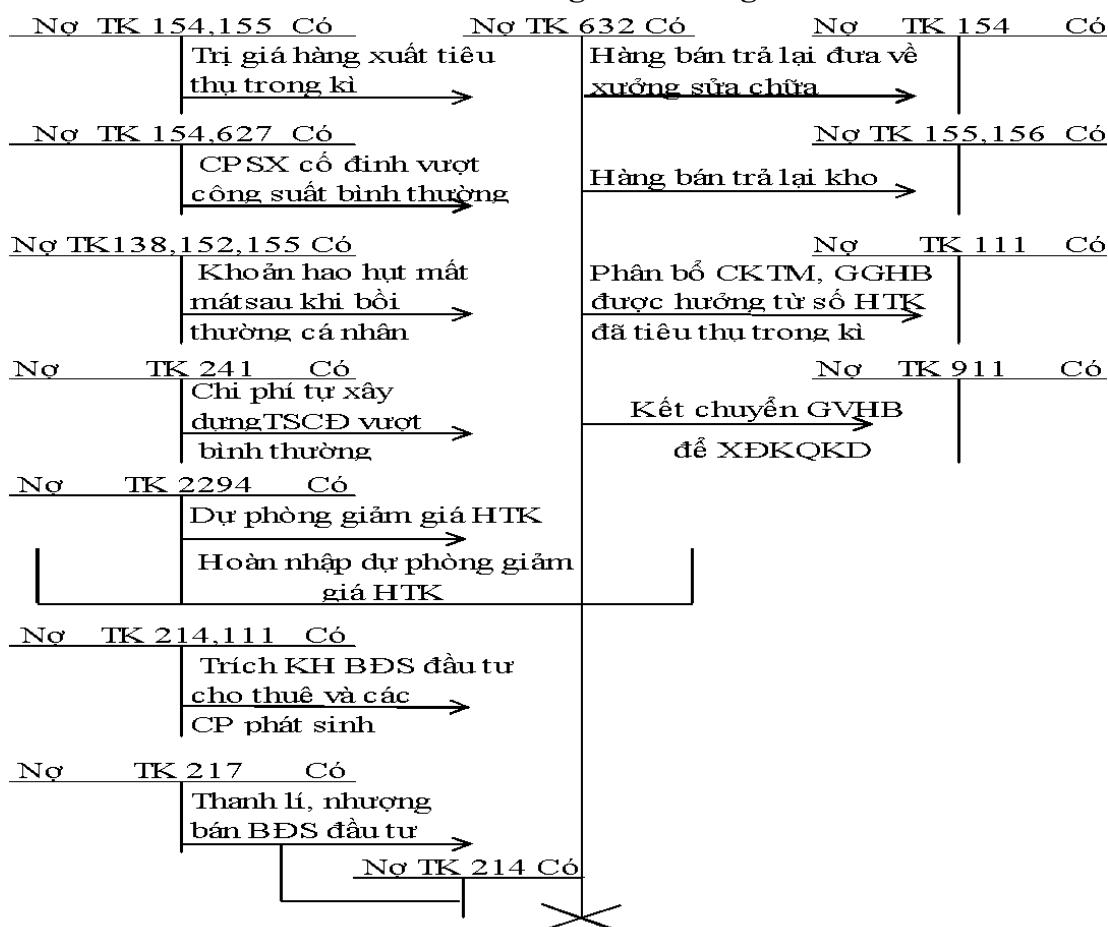
Có TK 632 – Giá vốn hàng bán.

- Kết chuyển giá vốn hàng bán trong kì:

Nợ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Có 632 – Giá vốn hàng bán.

### 1.1.3.3 Sơ đồ chữ T tài khoản giá vốn hàng bán TK 632:



Hình 1. 1: Sơ đồ chữ T tài khoản 632:

### 1.1.3.4 Kế toán doanh thu bán hàng

Khái niệm doanh thu bán hàng: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền đã thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

Doanh thu thuần: là khoản doanh thu thực, doanh thu bán hàng hóa sản phẩm khi không có sự cộng thêm của các khoản thuế, hay các khoản giảm trừ doanh thu khác.

#### 1.1.3.4.1 Kết cấu tài khoản

Tài khoản 511: dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hóa được xác định là đã bán và các khoản giảm trừ doanh thu trong một kì của kế toán doanh nghiệp.

**Bảng 1. 2: Kết cấu tài khoản 511**

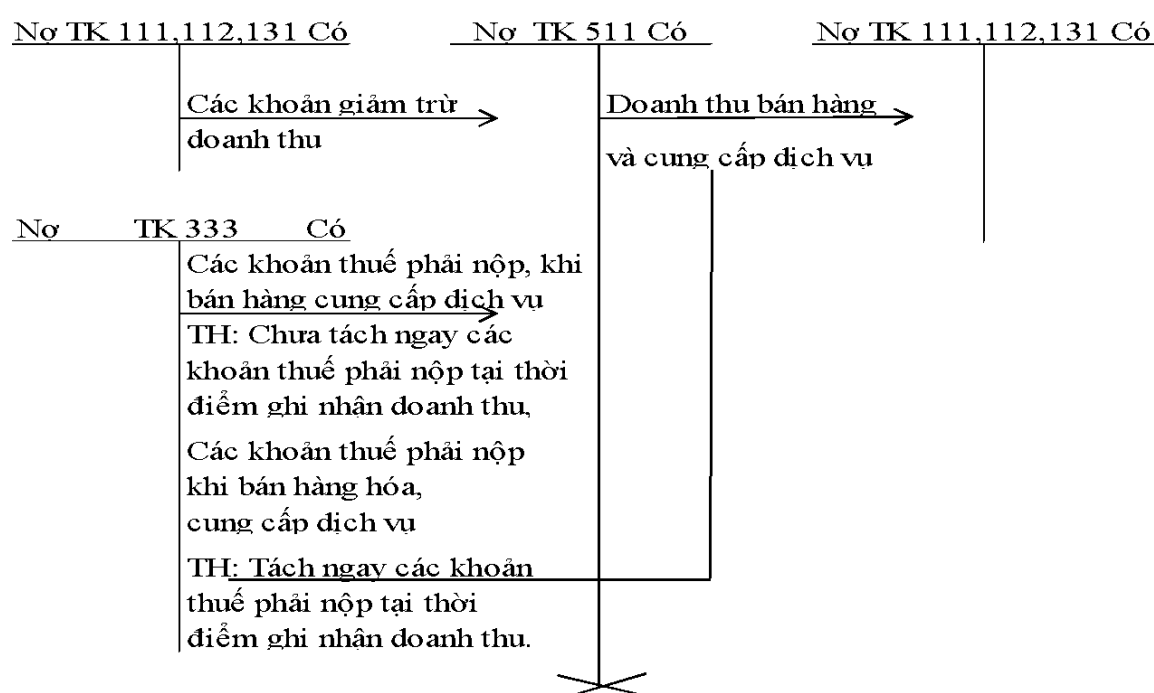
| Bên nợ<br>có                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Bên                                                                                                                                                 |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản thuế gián thu phải nộp ( GTGT, TTĐB, XK, BVMT).</li> <li>- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kì.</li> <li>- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kì.</li> <li>- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kì.</li> <li>- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 " Xác định kết quả kinh doanh".</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu bán sản phẩm hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kì kế toán</li> </ul> |
| Tài khoản 511 là tài khoản không có số dư cuối kì.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                     |

#### **1.1.3.4.2 Nội dung phản ánh tài khoản doanh thu - TK 511**

- Doanh thu của hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kì:
  - Nợ TK 111,112, 131 – Tổng giá trị hàng hóa đã bán
  - Có TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
  - Có TK 333 – Các khoản thuế phải nộp nhà nước.
- Bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp:
  - + Khi bán hàng ghi nhận doanh thu:
    - Nợ TK 131 – Phải thu khách hàng
    - Có TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
    - Có TK 333 – Các khoản thuế phải nộp nhà nước
    - Có TK 3387 – Doanh thu chưa thực hiện.
  - + Định kì ghi nhận doanh thu tiền lãi bán hàng trả chậm, trả góp:
    - Nợ TK 3387 – Doanh thu chưa thực hiện
    - Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính( lãi trả góp)
- Bán hàng qua đại lí bán đúng giá hưởng hoa hồng:
  - + Khi xuất kho hàng hóa gửi đại lí bán:
    - Nợ TK 157 – Hàng gửi đi bán
    - Có TK 155,156
- Khi đại lí bán được hàng, ghi nhận doanh thu:
  - Nợ TK 111,112,131 – Tổng giá trị thanh toán
  - Có TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
  - Có TK 333 – Thuế phải nộp nhà nước.
- Đồng thời phản ánh giá vốn của hàng hóa bán ra:
  - Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán
  - Có TK 157 – Hàng gửi đi bán.
- Số tiền hoa hồng đại lí được hưởng:

- Nợ TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh  
 Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ  
 Có TK 111,112,131,...
- Các khoản CKTM, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại:  
 Nợ TK 511 – Trị giá tương ứng của phần giảm trừ doanh thu  
 Có TK 521 – Trị giá khoản giảm trừ doanh thu.
  - Cuối kì kết chuyển doanh thu thuần xác định kết quả kinh doanh:  
 Nợ TK 511 – Doanh thu thuần  
 Có TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

#### 1.1.3.4.3 Sơ đồ chữ T tài khoản doanh thu – TK 511:



**Hình 1. 2: Sơ đồ chữ T tài khoản 511**

#### 1.3.3.5 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

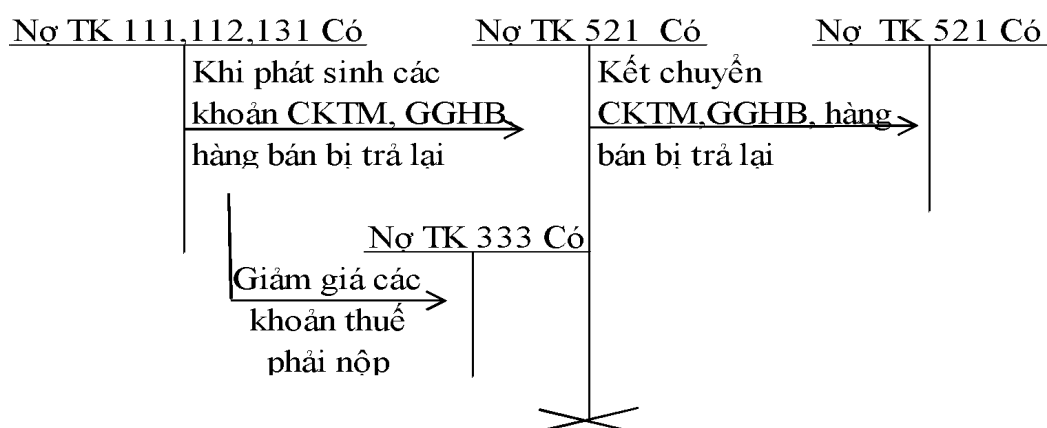
Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ hạch toán khi doanh nghiệp áp dụng chế độ kế toán theo thông tư 200/2014/TT-BTC.

Các khoản giảm trừ doanh thu là những khoản phát sinh được điều chỉnh làm giảm doanh thu bán hàng, sản phẩm và cung ứng dịch vụ của doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Bao gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

##### 1.1.3.5.1 Kết cấu tài khoản giảm trừ doanh thu - TK 521:

**Bảng 1. 3: Kết cấu tài khoản 521**

| Bên nợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Bên có                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.</li> <li>- Số giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng.</li> <li>- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính vào trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cuối kì kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu hàng bán trả lại sang tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" để xác định doanh thu thuần của kì báo cáo.</li> </ul> |
| Tài khoản 521 là tài khoản không có số dư cuối kì                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                        |

**1.1.3.5.2 Sơ đồ chữ T tài khoản giảm trừ doanh thu - TK 521:****Hình 1. 3: Sơ đồ chữ T tài khoản 521:**

Tài khoản giảm trừ doanh thu – 521 có 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại: là khoản tiền mà người bán giảm trừ cho người mua khi người mua mua hàng với số lượng lớn tùy thuộc vào hợp đồng kinh tế mà hai bên đã kí hoặc tùy thuộc vào chính sách bán hàng của doanh nghiệp.
- Tài khoản 5212 – Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.
- Tài khoản 5213 – Hàng bán bị trả lại: là số sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ, nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng kinh tế như: hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại.

**1.1.3.5.3 Nội dung phản ánh tài khoản giảm trừ doanh thu – 521:**

- Phản ánh số CKTM, giảm giá hàng bán trong kì:

Nợ TK 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu (5211, 5213)

- Nợ TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp  
Có TK 111,112,113,...
- Phản ánh hàng bán bị trả lại:
  - + Doanh nghiệp nhận lại sản phẩm, hàng hóa bị trả lại:
    - Nợ TK 156 – Hàng hóa
    - Có TK 632 – Giá vốn hàng bán.
  - + Thanh toán với người mua hàng về số tiền của hàng bị trả lại:
    - Nợ TK 5212 – Hàng bán bị trả lại (giá chưa thuế GTGT)
    - Nợ TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp
    - Có TK 111,112,113,...
- Cuối kì kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu:
  - Nợ TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
  - Có TK 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu.

#### **1.1.4 Kế toán xác định kết quả bán hàng**

##### **1.1.4.1 Kế toán chi phí bán hàng**

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ,... bao gồm chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, đóng gói và vận chuyển,...

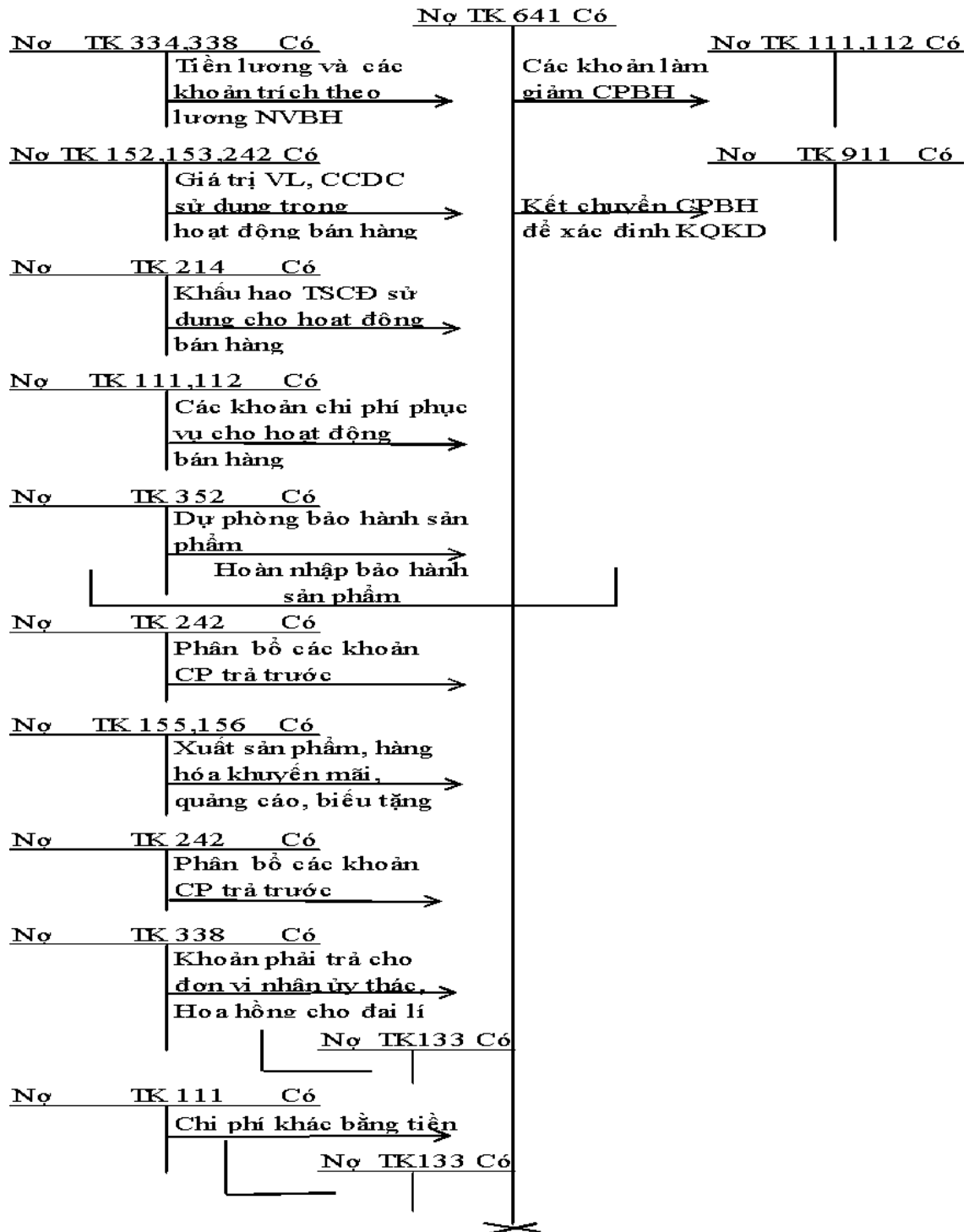
##### **1.1.4.1.1 Kết cấu tài khoản chi phí bán hàng – TK 641:**

**Bảng 1. 4: Kết cấu tài khoản 641**

| Bên nợ                                                                           | Bên có                                                                                                                                                             |
|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| - Các chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ | - Khoản được ghi giảm chi phí bán hàng trong kì.<br>- Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 " Xác định kết quả kinh doanh " để xác định kết quả kinh doanh |
| Tài khoản 641 là tài khoản không có số dư cuối kì                                |                                                                                                                                                                    |

- Tài khoản 641 chi phí bán hàng, có 7 tài khoản cấp 2:
  - + Tài khoản 6411 – Chi phí nhân viên.
  - + Tài khoản 6412 – Chi phí vật liệu, bao bì.
  - + Tài khoản 6413 – Chi phí dụng cụ, đồ dùng.
  - + Tài khoản 6414 – Chi phí khấu hao TSCĐ.
  - + Tài khoản 6415 – Chi phí bảo hành.
  - + Tài khoản 6417 – Chi phí dịch vụ mua ngoài.
  - + Tài khoản 6418 – Chi phí bằng tiền khác.

##### **1.1.4.1.2 Sơ đồ chữ T tài khoản chi phí bán hàng – TK 641:**



**Hình 1. 4: Sơ đồ chữ T tài khoản 641:**

**1.1.4.1.3 Nội dung phản ánh tài khoản chi phí bán hàng – 641:**

- Tiền lương, phụ cấp cho nhân viên bán hàng:  
Nợ TK 641 – Chi phí bán hàng  
Có TK 334,338
- Giá trị vật liệu, dụng cụ phục vụ cho việc bán hàng:

- Nợ TK 641 – Chi phí bán hàng  
Có TK 152,153,242
- Trích khấu hao TSCĐ cho BPBH:  
Nợ TK 641 – Chi phí bán hàng  
Có TK 214 – Hao mòn TSCĐ
- Chi phí điện, nước, thông tin giá trị không lớn:  
Nợ TK 641 – Chi phí bán hàng  
Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ  
Có TK 111,112,141,331,...
- Chi phí sửa chữa TSCĐ phục vụ bán hàng:  
Nợ TK 641 – Chi phí bán hàng  
Có 335 – Chi phí phải trả  
Có 352 – Dự phòng phải trả
- Chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa:  
Nợ TK 641 – Chi phí bán hàng  
Có TK 352 – Dự phòng phải trả.
- Hàng hóa dùng để khuyến mãi, quảng cáo:  
Nợ TK 642 – Chi phí bán hàng  
Có TK 155,156
- Hoa hồng bán hàng phải trả đại lý:  
Nợ TK 641 – Chi phí bán hàng  
Nợ TK 131 – Thuế GTGT được khấu trừ  
Có 131 – Phải thu khách hàng.
- Cuối kì kết chuyển chi phí bán hàng xác định kết quả kinh doanh  
Nợ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh  
Có TK 641 – Chi phí bán hàng.

#### **1.1.4.2 Kế toán hàng tồn kho**

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các loại hàng hóa của doanh nghiệp bao gồm hàng hóa tại các kho hàng, quầy hàng. Hàng hóa là các loại vật tư, sản phẩm do doanh nghiệp mua về với mục đích để bán (bán buôn và bán lẻ). Trường hợp hàng hóa mua về vừa dùng để bán, vừa dùng để sản xuất, kinh doanh không phân biệt rõ ràng giữa hai mục đích bán lại hay để sử dụng thì vẫn phản ánh vào tài khoản 156 “Hàng hóa”.

##### **1.1.4.2.1 Kết cấu tài khoản hàng tồn kho – 156:**

**Bảng 1. 5: Kết cấu tài khoản 156**

|                   | Bên nợ                                                                                                                                                                                                                                                                    | Bên có                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nội dung phản ánh | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số dư đầu kì.</li> <li>- Trị giá mua vào của hàng hóa theo hóa đơn mua hàng (bao gồm các loại thuế không được hoàn lại).</li> <li>- Chi phí thu mua hàng hóa.</li> <li>- Trị giá hàng hóa phát hiện thừa khi kiểm kê.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trị giá của hàng hóa xuất kho để bán, giao đại lý, giao cho doanh nghiệp phụ thuộc hoặc sử dụng cho sản xuất, kinh doanh.</li> <li>- Chi phí thu mua phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ.</li> <li>- Chiết khấu thương mại hàng mua được hưởng.</li> <li>- Các khoản giảm giá hàng mua được hưởng.</li> <li>- Trị giá hàng hóa trả lại cho người bán.</li> <li>- Trị giá hàng hóa phát hiện thiếu khi kiểm kê.</li> </ul> |
| Số dư cuối kì     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số dư bên Nợ: Trị giá mua vào của hàng hóa tồn kho.</li> <li>- Chi phí thu mua của hàng hóa tồn kho.</li> </ul>                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

**1.1.4.2.2 Nội dung phản ánh kế toán hàng tồn kho – TK 156:**

- Hàng hóa mua về nhập kho:
  - Nợ TK 156 - Hàng hóa
  - Nợ TK 1534 - Thiết bị, phụ tùng thay thế
  - Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ
  - Có TK 111, 112, 141, 331,....
- Khi mua hàng được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hàng bán:
  - Nợ TK 111, 112, 331, ....
  - Có TK 156 - Hàng
  - Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ
- Hàng hóa không đúng quy cách, phẩm chất phải trả lại cho người bán:
  - Nợ các TK 111, 112, 331,...
  - Có TK 156 - Hàng hóa
  - Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ.
- Chi phí khi mua hàng hoá:
  - Nợ TK 156 - Hàng hóa
  - Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ
  - Có các TK 111, 112, 141, 331, ...
- Khi mua hàng hóa theo phương thức trả chậm, trả góp, ghi:
- Nợ TK 156 - Hàng hóa (theo giá mua trả tiền ngay)
  - Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ
  - Nợ TK 242 - Chi phí trả trước



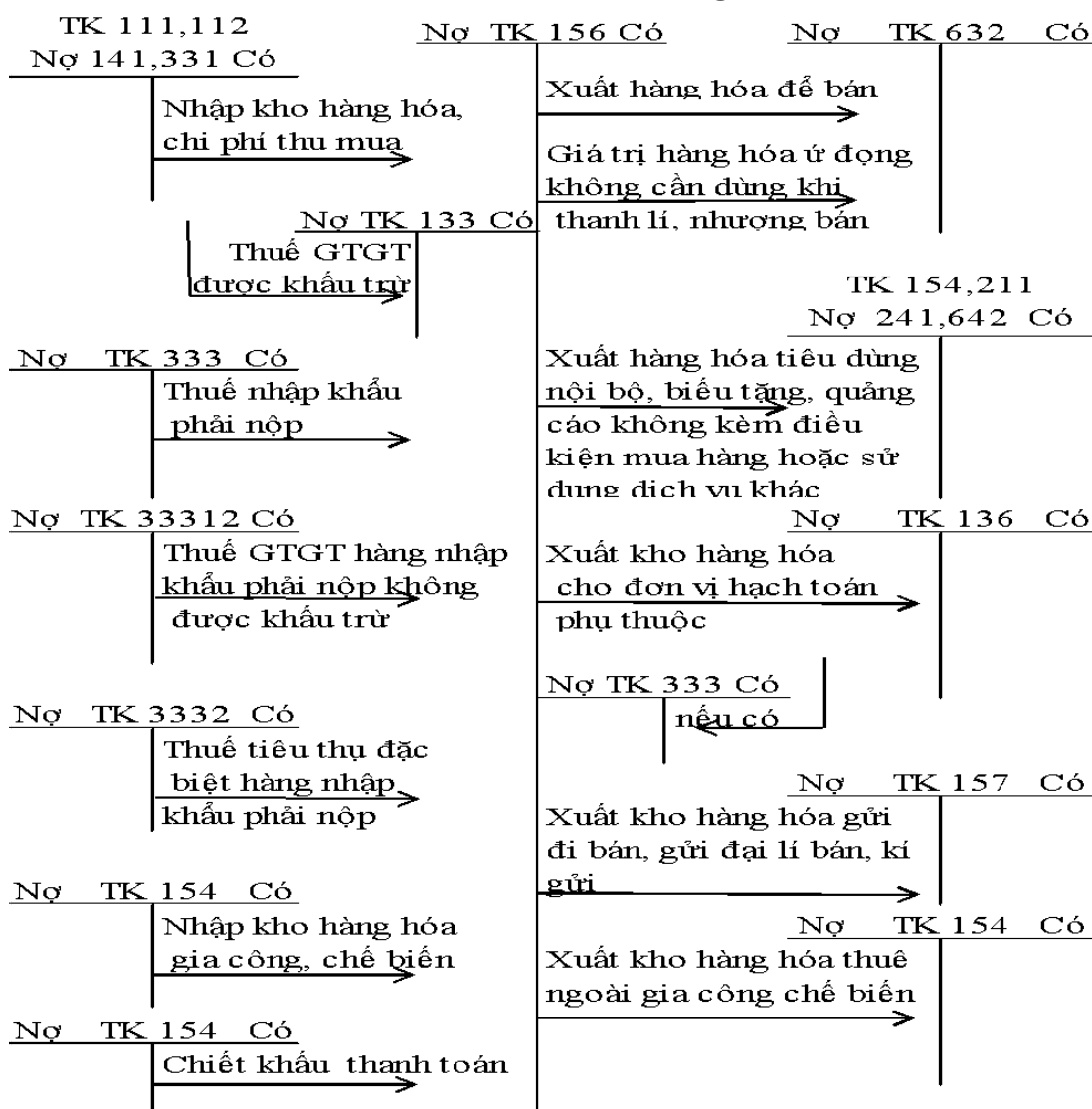
Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Định kỳ, tính vào chi phí tài chính số lãi mua trả chậm, trả góp phải trả:

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính

Có TK 242 - Chi phí trả trước.

### 1.1.4.2.3 Sơ đồ chữ T tài khoản kế toán hàng tồn kho – TK 156:



Hình 1. 5: Sơ đồ chữ T tài khoản 156:

### 1.1.5 Vấn đề thừa – thiếu khi mua – bán hàng hóa

Trong thực tế, vấn đề thừa thiếu khi mua bán hàng hóa là chuyện bình thường. Vì lẽ đó, giải quyết vấn đề thừa thiếu là một nội dung có thể ảnh hưởng đến công tác kế toán tại doanh nghiệp thương mại nói riêng và các doanh nghiệp có liên quan đến các sản phẩm hữu hình nói chung.

- Khi phát hiện thiếu hàng hóa, định khoản như sau:
- + Khi phát hiện thiếu chưa rõ nguyên nhân cần thu hàng về:

Nợ TK 1381

Có TK 156 “ Trị giá số hàng bị mất”.

- + Xử lý số thiếu ( Căn cứ theo quyết định của giám đốc):
  - Nợ TK 1111 “ Số tiền phạt cá nhân, tập thể có liên quan”
  - Nợ TK 1388 “ Số tiền phạt cá nhân, tập thể có liên quan nhưng chưa cho thu”
  - Nợ TK 632 “ Số tiền ứng với phần giám đốc duyệt công ty chịu”
  - Có TK 1381 “ Số tiền đã được ghi nợ ở nghiệp vụ trên”.
- Khi phát hiện thừa hàng hóa, định khoản như sau:
  - + Khi phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân cần trả lại hàng :
    - Nợ TK 1561 “ Trị số hàng thừa nhận được”
    - Có TK 3381 “ Số tiền thừa đã ghi ở nghiệp vụ trên
  - + Xử lý số thừa (Căn cứ theo quyết định của giám đốc):
    - Nợ TK 3381 “ Số tiền”
    - Có TK 1111 “ mua luôn số hàng thừa được giao thừa”
    - Có TK 1561 “ trị giá số hàng thừa được giao thừa”
    - Có TK 3388 “ phải trả khác”.

### 1.1.6 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Áp dụng Thông tư 228/2009/TT-BTC.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: là dự phòng phần giá trị bị tổn thất do giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm.

Đối tượng lập dự phòng bao gồm nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa, hàng mua đang đi đường, hàng gửi đi bán, hàng hóa kho bảo thuế, thành phẩm (sau đây gọi tắt là hàng tồn kho) mà giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được và đảm bảo điều kiện sau:

- Có hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của Bộ Tài chính hoặc các bằng chứng hợp lý khác chứng minh giá vốn hàng tồn kho.
- Là hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

Phương pháp lập dự phòng:

Mức trích lập dự phòng tính theo công thức sau:

|                                             |   |                                                                                    |   |                                            |   |                                                               |
|---------------------------------------------|---|------------------------------------------------------------------------------------|---|--------------------------------------------|---|---------------------------------------------------------------|
| Mức dự phòng<br>giảm giá vật tư<br>hàng hóa | = | Lượng vật tư hàng<br>hóa thực tế tồn kho<br>tại thời điểm lập<br>báo cáo tài chính | x | Giá gốc hàng<br>tồn kho theo<br>sổ kế toán | - | Giá trị thuần có<br>thể thực hiện<br>được của hàng<br>tồn kho |
|---------------------------------------------|---|------------------------------------------------------------------------------------|---|--------------------------------------------|---|---------------------------------------------------------------|

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 02 - Hàng tồn kho.

Xử lý hạch toán: Giá trị tổn thất thực tế của hàng tồn đọng không thu hồi được đã có quyết định xử lý hủy bỏ, sau khi bù đắp bằng nguồn dự phòng giảm giá hàng tồn kho, phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào giá vốn hàng bán của doanh nghiệp.

### **1.1.7 Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa**

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp: là dự phòng chi phí cho những sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp đã bán, đã bàn giao cho người mua nhưng doanh nghiệp vẫn có nghĩa vụ phải tiếp tục sửa chữa, hoàn thiện theo hợp đồng hoặc cam kết với khách hàng.”

Đối tượng và điều kiện lập dự phòng: là những sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp do doanh nghiệp thực hiện và đã bán hoặc bàn giao trong năm được doanh nghiệp cam kết bảo hành tại hợp đồng hoặc các văn bản quy định khác.

Phương pháp lập dự phòng: Doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất trích bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp đã tiêu thụ trong năm và tiến hành lập dự phòng cho từng loại sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp có cam kết bảo hành Tổng mức trích lập dự phòng bảo hành của các sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp theo quy định đã cam kết với khách hàng nhưng tối đa không vượt quá 5% tổng doanh thu tiêu thụ đối với các sản phẩm, hàng hóa và không quá 5% trên tổng giá trị công trình đối với các công trình xây lắp.

Sau khi lập dự phòng cho từng loại sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng vào bảng kê chi tiết. Bảng kê chi tiết là căn cứ để hạch toán:

- Đối với dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa khi trích lập hạch toán vào chi phí bán hàng.

- Đối với dự phòng bảo hành công trình xây lắp khi trích lập hạch toán vào chi phí sản xuất chung.

### **1.1.8 Kế toán quản lý công nợ**

#### **1.1.8.1 Kế toán quản lý công nợ đầu vào – TK 131.**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ thu tiền ngay.

##### **1.1.8.1.1 Kết cấu tài khoản quản lý công nợ đầu vào – TK 131**

**Bảng 1. 6: Kết cấu tài khoản 131**

|                   | Bên nợ                                                                                                                                                                                                      | Bên có                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nội dung phản ánh | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số dư đầu kì.</li> <li>- Số tiền phải thu của khách hàng phát sinh trong kỳ khi bán sản phẩm, hàng hóa.</li> <li>- Số tiền thừa trả lại cho khách hàng.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số tiền khách hàng đã trả nợ.</li> <li>- Số tiền đã nhận ứng trước, trả trước của khách hàng.</li> <li>- Khoản giảm giá hàng bán cho khách hàng sau khi đã giao hàng và khách hàng có khiếu nại.</li> <li>- Doanh thu của số hàng đã bán bị người mua trả lại (có thuế GTGT hoặc không có thuế GTGT).</li> <li>- Số tiền chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại cho người mua.</li> </ul> |
| Số dư cuối kì     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số dư cuối kì bên nợ: Số tiền còn phải thu của khách hàng.</li> </ul>                                                                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài khoản này có thể có số dư bên có. Số dư bên có phản ánh số tiền nhận trước, số đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng chi tiết theo từng đối tượng cụ thể. Khi lập bảng cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết theo từng đối tượng phải thu của tài khoản này để ghi cả hai chỉ tiêu bên "Tài sản" và bên "Nguồn vốn".</li> </ul>                                                      |
|                   | - Tài khoản 131- Phải thu của khách hàng không có tài khoản cấp 2                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

**1.1.8.1.2 Nội dung phản ánh tài khoản quản lý công nợ đầu vào-TK131.**

- Khi bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ chưa thu được tiền:
  - Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng (tổng giá thanh toán)
  - Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
  - Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.
- Kế toán hàng bán bị khách hàng trả lại:
  - Nợ TK 5213 - Hàng bán bị trả lại (giá bán chưa thuế)
  - Nợ TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước
  - Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.
- Kế toán chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán:
  - Nợ TK 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu (5211,5212)
  - Nợ TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước
  - Có TK 131 - Phải thu của khách hàng (tổng số tiền giảm giá).
- Số CKTT phải trả cho người mua do thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn quy định:

Nợ TK 111,112 - Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (Số tiền chiết khấu thanh toán)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

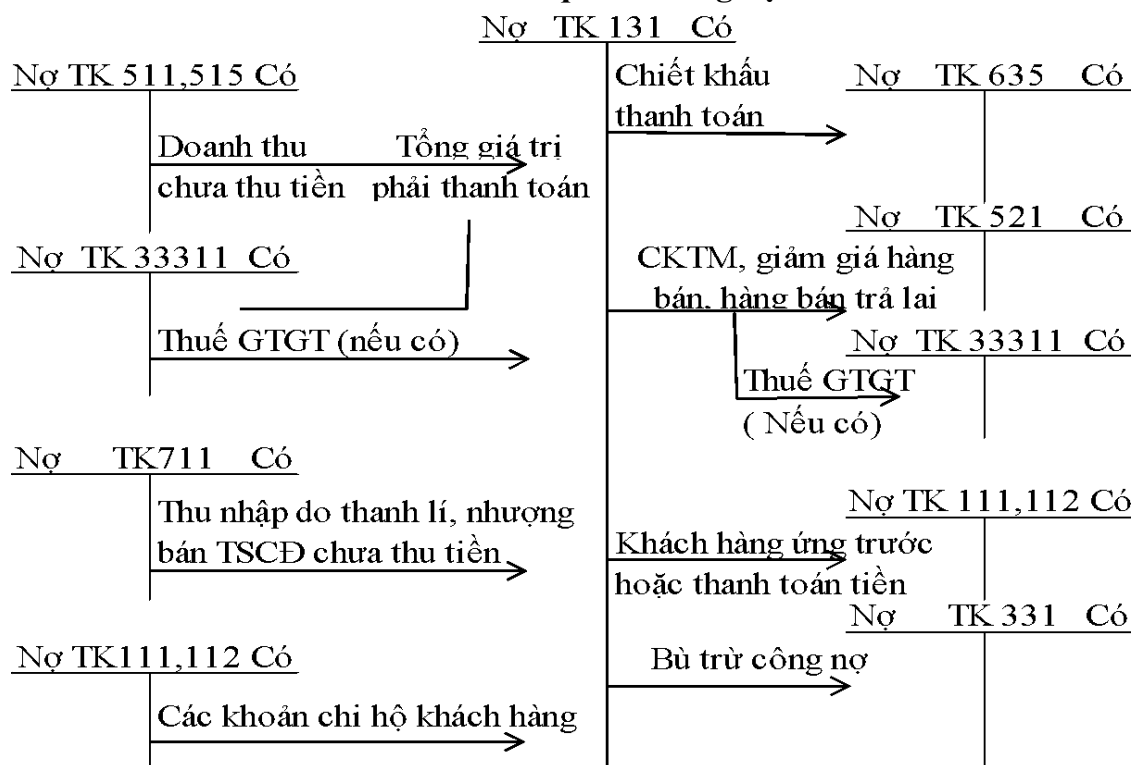
- Nhận được tiền do khách hàng ứng trước theo hợp đồng bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ:

Nợ các TK 111, 112, ....

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (phần tiền lãi).

### 1.1.8.1.3 Sơ đồ chữ T tài khoản quản lý công nợ đầu vào – TK131:



Hình 1. 6: Sơ đồ chữ T tài khoản 131:

### 1.1.8.2 Kế toán quản lý công nợ đầu ra – TK 331.

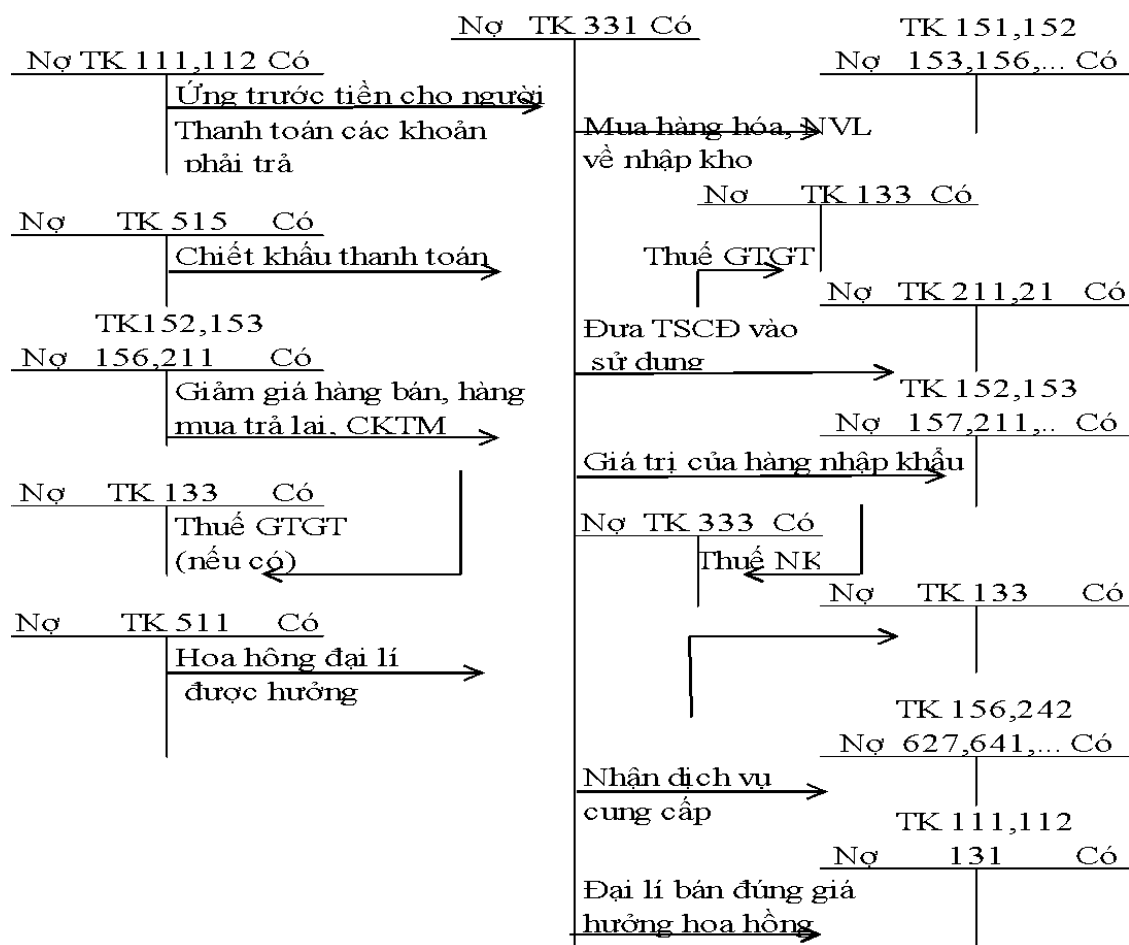
Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ. Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ mua trả tiền ngay.

#### 1.1.8.2.1 Kết cấu tài khoản quản lý công nợ đầu ra – TK 331:

**Bảng 1. 7: Kết cấu tài khoản 331**

|                   | Bên nợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Bên có                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nội dung phản ánh | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số tiền đã trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ.</li> <li>- Số tiền ứng trước cho người bán, nhà cung cấp, nhưng chưa nhận được vật tư, hàng hóa, dịch vụ bàn giao.</li> <li>- Số tiền người bán chấp thuận giảm giá hàng hóa hoặc dịch vụ đã giao theo hợp đồng.</li> <li>- Chiết khấu thanh toán và CKTM được người bán chấp thuận cho doanh nghiệp giảm trừ vào khoản nợ phải trả cho người bán.</li> <li>- Giá trị vật tư, hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất khi kiểm nhận và trả lại người bán.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số dư đầu kì.</li> <li>- Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ.</li> <li>- Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của số vật tư, hàng hoá, dịch vụ đã nhận, khi có hoá đơn hoặc thông báo giá chính thức.</li> </ul> |
| Số dư cuối kì     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số dư bên nợ: Số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số tiền đã trả nhiều hơn số phải trả cho người bán theo chi tiết của từng đối tượng cụ thể. Khi lập bảng cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết của từng đối tượng phản ánh ở tài khoản này để ghi 2 chỉ tiêu bên “Tài sản” và bên “Nguồn vốn”.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số dư cuối kì nằm bên có: Số tiền còn phải trả cho người bán, nhà cung cấp.</li> </ul>                                                                                                                                                                                         |
|                   | - Tài khoản 331 - Phải trả cho người bán không có tài khoản cấp 2.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |

**1.1.8.2.2 Sơ đồ chữ T tài khoản quản lý công nợ đầu ra – 331:**



**Hình 1. 7: Sơ đồ chữ T tài khoản 331:**

**1.1.8.2.3 Nội dung phản ánh tài khoản quản lý công nợ đầu ra – TK331:**

- Mua vật tư, hàng hóa chưa trả tiền người bán về nhập kho hoặc khi mua TSCĐ:
  - + Trường hợp mua trong nội địa
    - Nợ TK 152, 153, 156, 211, 213 (giá chưa có thuế GTGT)
    - Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)
    - Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).
  - Trường hợp mua hàng nhập khẩu:
  - Phản ánh giá trị hàng nhập khẩu bao gồm cả thuế TTĐB, thuế NK, thuế BVMT (nếu có):
    - Nợ TK 152, 153, 156, 211, 213
    - Có TK 331 - Phải trả cho người bán
    - Có TK 3332 - Thuế TTĐB (nếu có)
    - Có TK 3333 - Thuế xuất nhập khẩu
    - Có TK 33381 - Thuế bảo vệ môi trường (nếu có).
  - Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ:
    - Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ
    - Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp.

- Khi nhận lại tiền do người bán hoàn lại số tiền đã ứng trước vì không cung cấp được hàng hóa, dịch vụ:  
Nợ các TK 111, 112, ...  
Có TK 331 - Phải trả cho người bán.
- Chiết khấu thanh toán khi mua vật tư, hàng hoá được hưởng do thanh toán trước thời hạn:  
Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán  
Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.
- Khi vật tư, hàng hoá mua vào phải trả lại hoặc được người bán chấp thuận giảm giá do không đúng quy cách, phẩm chất:  
Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán  
Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ  
Có các TK 152, 153, 156, ...

### **1.1.9 Kế toán quản lý các khoản thu hộ, chi hộ:**

#### **1.1.9.1 Kế toán quản lý các khoản chi hộ - TK 138.**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản nợ phải thu ngoài phạm vi đã phản ánh ở các tài khoản phải thu (TK 131, 136) và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu này.

#### **1.1.9.1.1 Kết cấu tài khoản các khoản chi hộ - TK 138:**

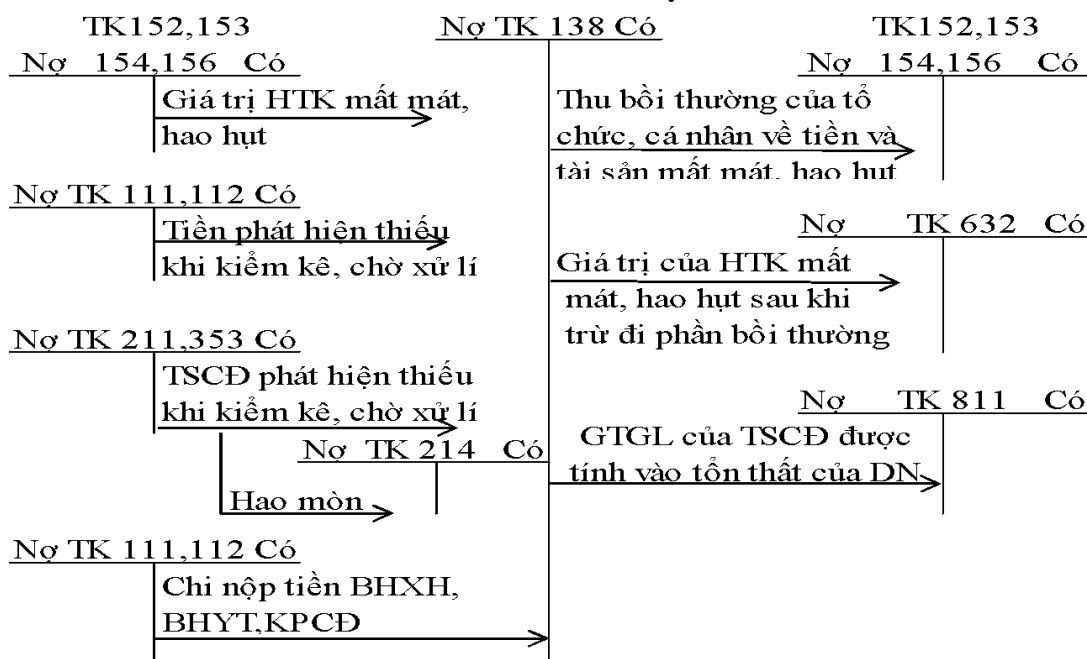
**Bảng 1. 8: Kết cấu tài khoản chi hộ 138**

|                   | Bên nợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Bên có                                                                                                                                                                                                                   |
|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nội dung phản ánh | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị tài sản thiếu chờ giải quyết.</li> <li>- Phải thu của cá nhân, tập thể (trong và ngoài doanh nghiệp) đối với tài sản thiếu đã xác định rõ nguyên nhân và có biên bản xử lý ngay.</li> <li>- Phải thu về tiền lãi cho vay, lãi tiền gửi, cổ tức, lợi nhuận được chia từ các hoạt động đầu tư tài chính.</li> <li>- Phải thu về tiền lãi cho vay, lãi tiền gửi, cổ tức, lợi nhuận được chia từ các hoạt động đầu tư tài chính.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết chuyển giá trị tài sản thiếu vào các tài khoản liên quan theo quyết định ghi trong biên bản xử lý.</li> <li>- Số tiền đã thu được về các khoản nợ phải thu khác.</li> </ul> |
| Số dư cuối kỳ     | - Số dư cuối kỳ bên nợ: Các khoản nợ phải thu khác chưa thu được.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | - Tài khoản này có thể có số dư bên Có. Số dư bên Có phản ánh số đã thu nhiều hơn số phải thu.                                                                                                                           |



- Tài khoản 138 Phải thu khác có 3 tài khoản cấp 2:
  - + Tài khoản 1381 - Tài sản thiếu chờ xử lý.
  - + Tài khoản 1385 - Phải thu về cổ phần hóa.
  - + Tài khoản 1388 - Phải thu khác.

#### 1.1.9.1.2 Sơ đồ chữ T tài khoản chi hộ - TK 138:



**Hình 1. 8: Sơ đồ chữ T tài khoản chi hộ**

#### 1.1.9.1.3 Nội dung phản ánh tài khoản chi hộ - TK 138:

- Tiền mặt tồn quỹ, vật tư, hàng hóa, ... phát hiện thiếu khi kiểm kê:
  - + Khi chưa xác định rõ nguyên nhân, chờ xử lý:
    - Nợ TK 138 - Phải thu khác (1381)
    - Có TK 111, 152, 153, 155, 156.
  - + Khi có biên bản xử lý đối với tài sản thiếu:
    - Nợ TK 111 - Tiền mặt (cá nhân, tổ chức)
    - Nợ TK 1388 - Phải thu khác (cá nhân, tổ chức)
    - Nợ TK 334 - Phải trả người lao động (số bồi thường trừ vào lương)
    - Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (giá trị hao hụt mất mát của HTK)
    - Nợ TK 811 - Chi phí khác (phần giá trị còn lại của TSCĐ thiếu)
    - Có TK 1381 - Tài sản thiếu chờ xử lý.
- Trường hợp tài sản phát hiện thiếu đã xác định được ngay nguyên nhân và người chịu trách nhiệm thì căn cứ nguyên nhân hoặc người chịu trách nhiệm bồi thường, ghi:
  - Nợ TK 138 - Phải thu khác 1388 (số phải bồi thường)
  - Nợ TK 334 - Phải trả người lao động (số bồi thường trừ vào lương)
  - Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (giá trị hao hụt, mất mát của HTK)
  - Có TK 621 - Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp
  - Có TK 627 - Chi phí sản xuất chung

Có TK 152, 153, 155, 156

Có TK 111, 112.

### 1.1.9.2 Kế toán các khoản thu hộ - TK 338

Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phải trả, phải nộp và để hạch toán doanh thu nhận trước về các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng.

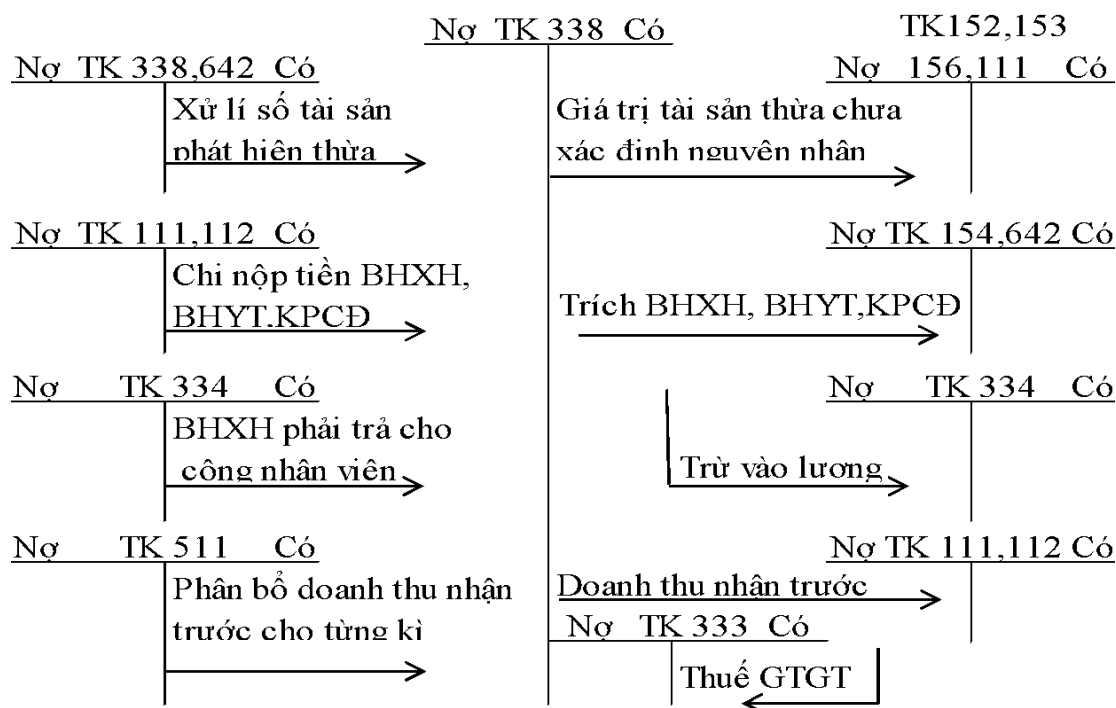
#### 1.1.9.2.1 Kết cấu tài khoản thu hộ - TK 338:

**Bảng 1. 9: Kết cấu tài khoản thu hộ 338**

|                   | Bên nợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Bên có                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nội dung phản ánh | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết chuyển giá trị tài sản thừa vào các tài khoản liên quan theo quyết định ghi trong biên bản xử lý.</li> <li>- Số BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ đã nộp cho cơ quan quản lý quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn.</li> <li>- Các khoản đã trả và đã nộp khác.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị tài sản thừa chờ xử lý, giá trị tài sản thừa phải trả cho cá nhân, tập thể (trong và ngoài đơn vị) đã xác định ngay được nguyên nhân.</li> <li>- Trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ vào chi phí sản xuất, kinh doanh hoặc khấu trừ vào lương của công nhân viên.</li> <li>- Doanh thu chưa thực hiện phát sinh trong kỳ.</li> <li>- Số chênh lệch giữa giá bán trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả ngay.</li> <li>- Các khoản thu hộ đơn vị khác phải trả lại.</li> <li>- Các khoản phải trả khác.</li> </ul> |
| Số dư cuối kì     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số dư bên nợ (nếu có): Phản ánh số đã trả, đã nộp nhiều hơn số phải trả.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số dư bên có: Giá trị tài sản phát hiện thừa còn chờ giải quyết.</li> <li>- Doanh thu chưa thực hiện ở thời điểm cuối kì kế toán.</li> <li>- Các khoản còn phải trả, phải nộp khác.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |

- Tài khoản 338 - Phải trả, phải nộp khác có 8 tài khoản cấp 2:
  - + Tài khoản 3381 - Tài sản thừa chờ giải quyết.
  - + Tài khoản 3382 - Kinh phí công đoàn.
  - + Tài khoản 3383 - Bảo hiểm xã hội.
  - + Tài khoản 3384 - Bảo hiểm y tế.
  - + Tài khoản 3385 - Phải trả về cổ phần hoá.
  - + Tài khoản 3386 - Bảo hiểm thất nghiệp.
  - + Tài khoản 3387 - Doanh thu chưa thực hiện.
  - + Tài khoản 3388- Phải trả, phải nộp khác.

#### 1.1.9.2.2 Sơ đồ chữ T tài khoản chi hộ - TK 338:



**Hình 1. 9: Sơ đồ chữ T tài khoản 338**

**1.1.9.2.3 Nội dung phản ánh tài khoản các khoản chi hộ - TK 338:**

- Phát hiện tài sản thừa chưa xác định rõ nguyên nhân chờ xử lý:
  - + Tài sản thừa tại thời điểm phát hiện :
    - Nợ các TK 111, 152, 153, 156, 211
    - Có TK 338 - Phải trả, phải nộp khác (3381).
- Khi phát hiện được nguyên nhân :
  - Nợ TK 338 - Phải trả, phải nộp khác (3381)
  - Có TK 338 - Phải trả, phải nộp khác (3388)
  - Có TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Phát hiện thừa qua kiểm kê
  - Nợ TK 3381 - Tài sản thừa chờ giải quyết
  - Có TK 331 - Phải trả cho người
  - Có TK 338 - Phải trả, phải nộp khác(3388).

## CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN EMIN – CHI NHÁNH MIỀN NAM

### 2.1 Đôi nét về công ty cổ phần Emin.

#### 2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển

Được thành lập năm 2011, công ty cổ phần Emin – chi nhánh miền Nam là một trong những công ty hàng đầu trong lĩnh vực phân phối và bán lẻ trực tiếp các thiết bị nhập khẩu về đo lường, thí nghiệm, tự động hóa, công nghiệp. Emin tự hào là nhà phân phối độc quyền, đại lý của hơn 600 hãng sản xuất trên toàn thế giới. Đa dạng về mẫu mã, chủng loại, giá cả tận gốc cùng với chính sách thanh toán linh động và dịch vụ hậu mãi chu đáo.

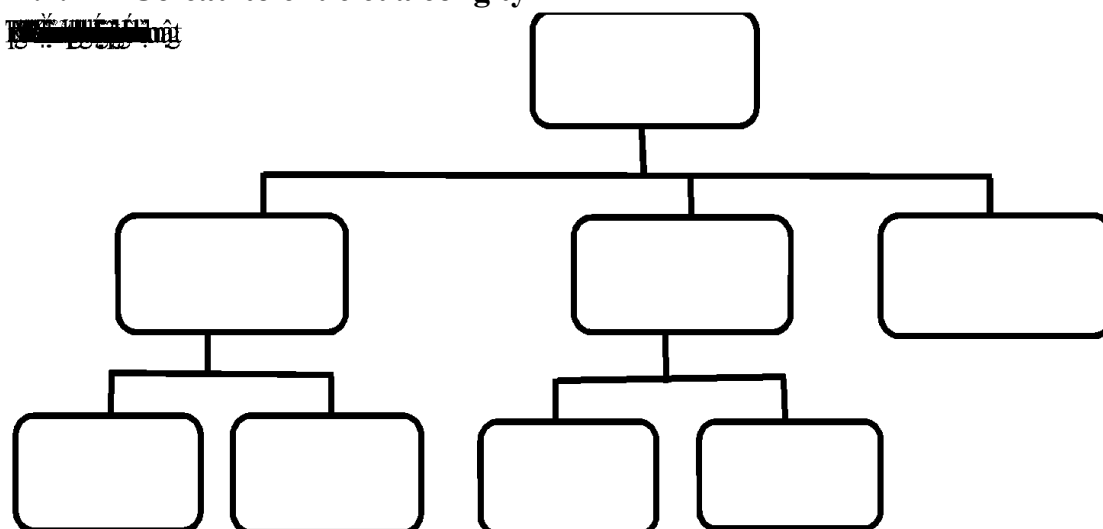
Kể từ khi thành lập, Emin không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, mang đến nhiều lựa chọn hơn cho quý khách hàng cả về chất lượng và giá thành. Đồng thời không ngừng nâng cao chất lượng, kiến thức chuyên môn của đội ngũ kỹ sư, kỹ thuật viên và mở rộng hệ thống chi nhánh trên toàn quốc và thế giới. Hiện nay công ty cổ phần Emin đang có một trụ sở chính tại TP Hà Nội và ba văn phòng ở Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và Bắc Ninh. Trong phạm vi bài này chúng ta chỉ nghiên cứu Chi nhánh của Công ty Emin ở Thành phố Hồ Chí Minh được hoạt động kể từ ngày 28/09/2020.

Địa chỉ công ty: 218 Cộng Hòa, Phường 12, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028)38119636

Mã số thuế: 0105309275-001.

#### 2.1.2 Cơ cấu tổ chức của công ty



Hình 2. 1: Sơ đồ tổ chức bộ máy công ty Emin:

#### 2.1.3 Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận

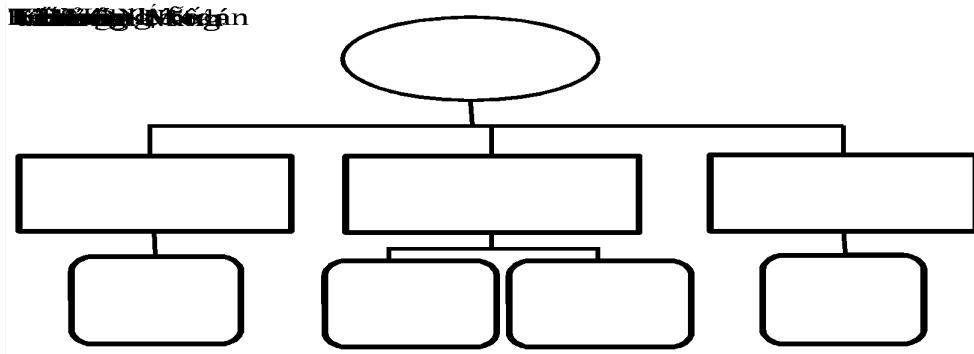
- Giám đốc:
  - + Chịu trách nhiệm sử dụng, quản lý, bảo toàn và phát triển vốn, tài sản được công ty giao, tận dụng mọi nguồn lực của đơn vị một cách tối ưu.
  - + Xây dựng, điều hành và quản lý việc thực hiện kế hoạch và chính sách kinh doanh của công ty, bảo đảm hiệu quả vận doanh của đơn vị.

- + Nghiên cứu, xây dựng chiến lược tiếp thị, quảng cáo và khuyến mãi, phục vụ hoạt động kinh doanh .
- + Thực hiện việc tuyển dụng, đào tạo nhân viên tại chi nhánh.
- + Theo dõi tình hình kinh doanh và tài chính tại chi nhánh báo cáo kịp thời về văn phòng chính.
- + Quản lý toàn bộ nhân viên, thực hiện toàn quyền với nhân viên chi nhánh theo chính sách thủ tục nhân sự của công ty.
- + Thực hiện theo mục tiêu doanh thu của công ty với chi nhánh, định kỳ hàng tháng báo cáo việc thực hiện.
- Phòng kinh doanh:
  - + Tư vấn và bán hàng.
  - + Tiếp cận và nghiên cứu thị trường khách hàng.
  - + Lên kế hoạch và tổ chức các hoạt động kinh doanh, tính toán giá thành và lập hợp đồng với khách hàng.
  - + Xử lý khiếu nại, thắc mắc của khách hàng.
  - + Cung cấp, đào tạo phát triển nhân viên.
  - + Giao đúng hàng, đúng đối tượng, đúng thời điểm.
  - + Bảo vệ tài sản của công ty.
- Phòng kế toán:
  - + Phòng kế toán có nhiệm vụ hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị một cách kịp thời, đầy đủ đảm bảo phục vụ tốt cho hoạt động kinh doanh.
  - + Chủ trì và phối hợp với các phòng có liên quan để lập kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của công ty.
  - + Tham mưu cho lãnh đạo đơn vị về việc chỉ đạo thực hiện hoặc trực tiếp thực hiện kiểm tra, giám sát việc quản lý và chấp hành chế độ tài chính – kế toán.
- Bộ phận kĩ thuật:
  - + Hỗ trợ khách hàng khi khách hàng gặp khó khăn trong quá trình sử dụng sản phẩm của doanh nghiệp.
  - + Bảo hành và sửa chữa sản phẩm của doanh nghiệp khi sản phẩm của doanh nghiệp bị lỗi hoặc hư hỏng.

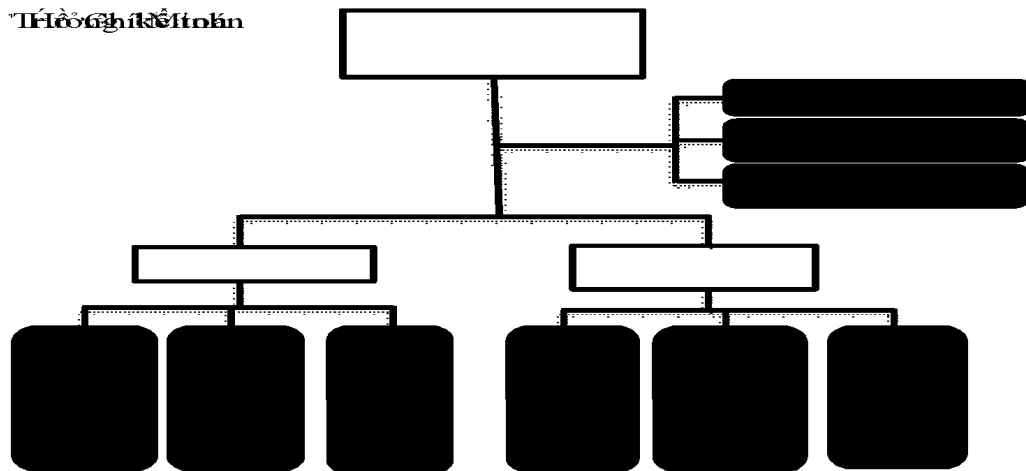
#### **2.1.4 Chức năng và nhiệm vụ của bộ phận kế toán:**

Phòng kế toán là một bộ phận trong cơ cấu tổ chức của công ty. Là nơi để các kế toán viên thực hiện nghiệp vụ kế toán với những chức năng và nhiệm vụ riêng theo chính sách và quy định riêng của công ty.

Bộ phận kế toán của công ty ở chi nhánh miền nam rất đơn giản gồm một trưởng bộ phận kế toán, một kế toán kho và một kế toán tiền mặt. Trưởng bộ phận kế toán đảm nhiệm các công việc liên quan đến bên ngoài phạm vi của doanh nghiệp như cục thuế, ngân hàng,... còn kế toán kho và kế toán tiền mặt sẽ xử lý các công việc bên trong và hỗ trợ trưởng bộ phận kế toán.



**Hình 2.2: Sơ đồ kế toán tại Công ty Emin**



**Hình 2.3: Sơ đồ phân hành kế toán công ty Emin - chi nhánh miền Nam**

Ghi chú:



Chức danh

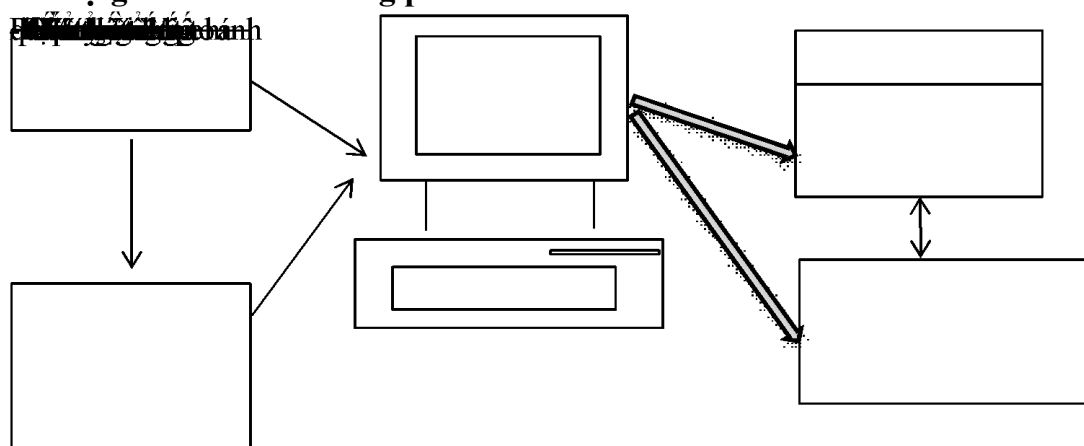


Phân hành

- Trưởng bộ phận kế toán:
  - + Ghi sổ sách kịp thời
  - + Lập các báo cáo, bảng biểu theo quy định.
  - + Theo dõi công nợ
  - + Lập tờ khai thuế GTGT, thuế TNDN, báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn sử dụng theo tháng, báo cáo tài chính.
  - + Thực hiện các bút toán phân bổ và kết chuyển theo quý.
  - + Tính và trích khấu hao TSCĐ, phân bổ chi phí trả trước, công cụ dụng cụ.
  - + Theo dõi công nợ, lập biên bản xác minh công nợ theo định kỳ, hoặc khi có yêu cầu, nộp về phòng kế toán, tài vụ.
- Kế toán kho:
  - + Lập chứng từ nhập xuất, chi phí mua hàng, hoá đơn bán hàng và kê khai thuế đầu vào đầu ra.
  - + Theo dõi, kiểm tra hàng xuất nhập tồn theo sổ sách.
  - + Hạch toán doanh thu, giá vốn, công nợ.
  - + Kiểm soát hàng nhập xuất tồn theo thực tế.

- + Bảo vệ tài sản của công ty.
- Kế toán tiền mặt:
- + Bảo quản tiền mặt tại công ty.
- + Chi đúng, chi đủ, thu đúng, thu đủ các khoản tiền ở công ty.
- + Báo cáo quỹ tiền mặt
- + Tiền gửi ngân hàng bao gồm : tiền mặt Việt Nam , ngoại tệ , vàng bạc của doanh nghiệp đang được gửi tại ngân hàng .

#### **Trình tự ghi sổ kế toán bằng phần mềm Misa:**



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ➡ In sổ báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ↔ Đối chiếu kiểm tra

**Hình 2. 4: Trình tự ghi sổ kế toán trên phần mềm máy tính**

## **2.2 Thực trạng công tác kế toán tại công ty Emin**

### **2.2.1 Kế toán mua hàng**

#### **2.2.1.1 Khái quát**

Do mua hàng là khâu đầu tiên, cơ bản của hoạt động kinh doanh, là điều kiện để hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tồn tại và phát triển, để quá trình mua hàng có hiệu quả thì mục tiêu cơ bản của hoạt động mua hàng là đảm bảo an toàn cho bán ra, đảm bảo chất lượng mua hàng, và mua hàng với chi phí thấp nhất.

Thông thường một đơn đặt hàng có các nội dung sau:

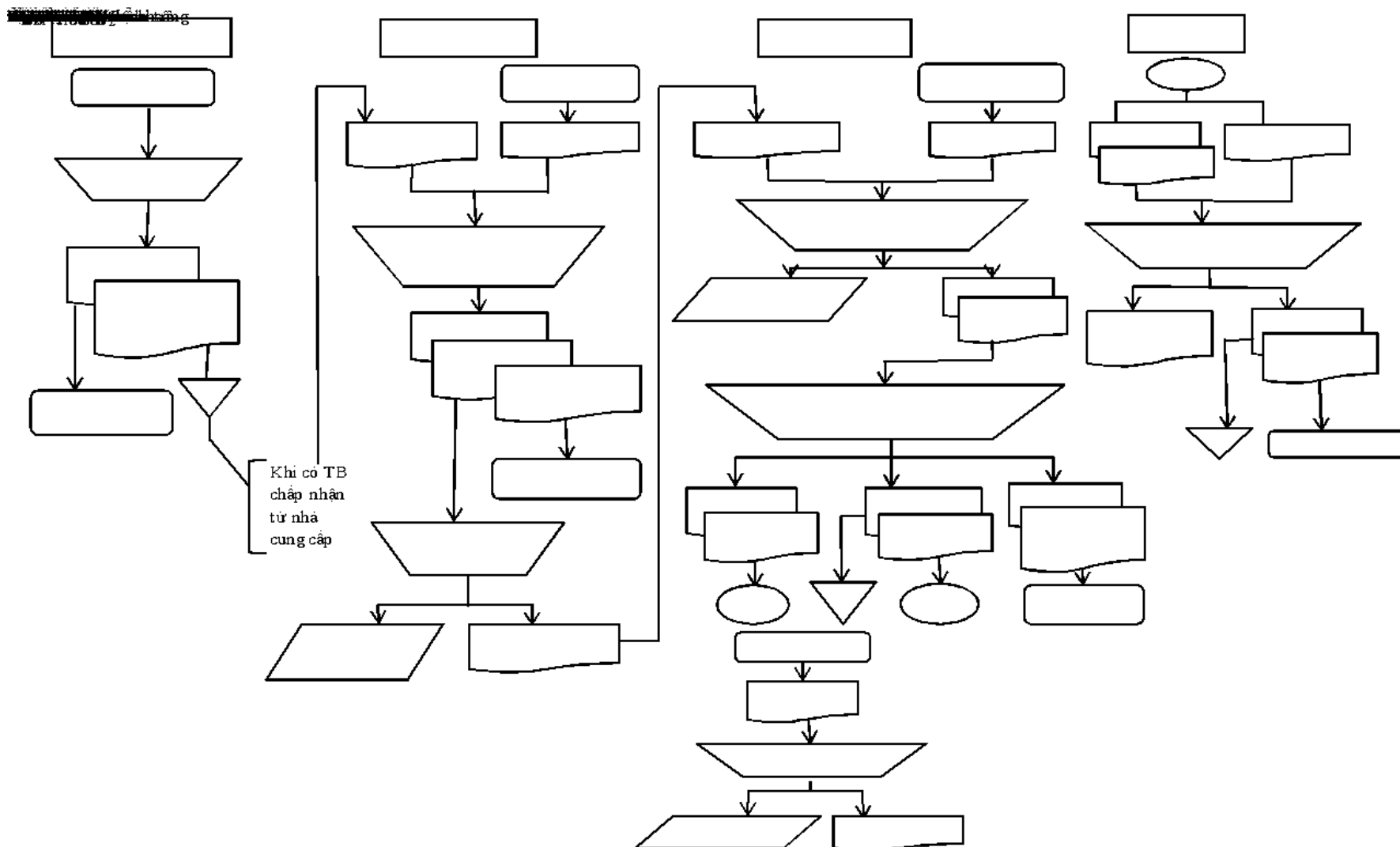
- Tên của bên bán, bên mua.
- Tên hàng, số lượng, đơn giá, loại tiền.
- Thời gian và điều kiện giao hàng.
- Điều kiện thanh toán, thời gian thanh toán.
- Chữ ký của bên bán và bên mua.

#### **2.2.1.2 Phương thức mua hàng**

Với đặc điểm là công ty phân phối và bán lẻ trực tiếp các thiết bị nhập khẩu về đo lường, thí nghiệm, tự động hóa, công nghiệp. Do đó phương thức mua hàng chuyển thẳng được áp dụng tại công ty Emin. Theo phương thức này hàng hóa sẽ

được giao tại công ty. Khi nhận được hàng thủ kho có trách nhiệm kiểm tra số lượng, chất lượng và nhập kho.





**Hình 2. 5: Quy trình mua hàng tại công ty cổ phần Emin**

Giải thích các ký tự sử dụng trong hình:

|                                                                                   |                               |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
|  | Văn bản chứng từ              |
|  | Hành động mang tính xử lý     |
|  | Lưu trữ                       |
|  | Chuyển sang cột khác          |
|  | Sổ sách                       |
|  | Đường lưu chuyển của chứng từ |

Mô tả quy trình lưu chuyển chứng từ mua hàng:

Khi có lệnh mua hàng, bộ phận kinh doanh tiến hành lập đơn đặt hàng gồm hai liên, một liên gửi cho nhà cung cấp, một liên lưu lại.

Khi có thông báo chấp nhận từ nhà cung cấp, bộ phận kinh doanh chuyển đơn đặt hàng liên 2 cho bộ phận kho.

Nhà cung cấp giao hàng và đưa hóa đơn bán hàng cho thủ kho. Thủ kho đối chiếu hóa đơn bán hàng này với đơn đặt hàng liên 2 và tiến hành kiểm tra và nhập hàng rồi lập phiếu nhập kho. Nhà cung cấp ký nhận lên phiếu nhập kho rồi nhận hóa đơn bán hàng mang về (làm căn cứ xuất hóa đơn GTGT). Đơn đặt hàng 2 được thủ kho trả về bộ phận kinh doanh và lưu lại tại đây còn phiếu nhập kho được chuyển lên bộ phận kế toán.

Bộ phận kế toán nhận phiếu nhập kho, hóa đơn GTGT từ nhà cung cấp đưa sang tiến hành đối chiếu - ghi sổ nhật ký mua hàng. Đồng thời căn cứ vào hóa đơn GTGT và kế hoạch công nợ để lập phiếu chi hay lập ủy nhiệm chi hoặc xác định công nợ.

Bộ phận kế toán nhận PNK, hóa đơn GTGT từ nhà cung cấp đưa sang tiến hành đối chiếu - ghi sổ nhật ký mua hàng. Đồng thời làm căn cứ vào hóa đơn GTGT và kế hoạch công nợ để lập phiếu chi hay ủy nhiệm chi hoặc xác định công nợ.

- Nếu là ủy nhiệm chi, kế toán lập 2 liên, 1 liên lưu lại, 1 liên gửi đến ngân hàng. Cả hai đều có chữ ký của chủ tài khoản (giám đốc).
- Nếu là phiếu chi, kế toán lập làm 2 liên rồi chuyển cùng hóa đơn GTGT sang thủ quỹ.

Thủ quỹ đối chiếu, phiếu chi và hóa đơn GTGT, tiến hành chi tiền. Lưu 1 liên phiếu chi, 1 liên đưa cho nhà cung cấp hóa đơn GTGT chuyển trả kế toán.

Kế toán nhận hóa đơn GTGT, ghi sổ nhật ký chi tiền, lưu hóa đơn GTGT và phiếu nhập kho.

Đối với trường hợp thủ quỹ chi trả cho nhà cung cấp nhưng không dựa trên hóa đơn ( trả từng phần trên tổng nợ), kế toán kèm theo sổ tổng hợp công nợ với phiếu chi để thủ quỹ tiến hành chi tiền.

#### **2.2.1.3 Phương thức thanh toán tiền hàng cho nhà cung cấp**

Trị giá tiền hàng của một lô hàng khi công ty mua về luôn có giá trị thanh toán trên hai mươi triệu đồng. Theo quy định thì những đơn hàng này phải được thanh toán qua ngân hàng mới được khấu trừ thuế giá trị gia tăng vì vậy công ty đã lập tài khoản tại ngân hàng Vietcombank và ngân hàng ACB để thuận tiện cho việc thanh toán và thu tiền ngay theo quy định của pháp luật.

#### **2.2.1.4 Trình tự luân chuyển chứng từ mua hàng hóa nhập kho trên misa:**

Vào menu nghiệp vụ chọn mua hàng sau đó chọn chứng từ mua hàng tiếp theo chọn chức năng thêm.

Màn hình sẽ hiển thị giao diện chứng từ mua hàng hóa như sau:

**Hình 2. 6: Giao diện chứng từ mua hàng hóa**

Chọn loại chứng từ mua hàng cần lập là mua hàng trong nước nhập kho.

Lựa chọn phương thức thanh toán cho chứng từ mua hàng là (chưa thanh toán).

Xác nhận lập chứng từ mua hàng (nhận kèm hóa đơn).

Khai báo thông tin cho chứng từ mua hàng như sau:

Trên tab phiếu nhập:

- Nhà cung cấp: gõ mã số thuế nhà cung cấp tại hộp chọn. Nếu chưa thiết lập thông tin nhà cung cấp từ danh mục thì bấm nút dấu cộng xanh để hệ thống cho phép khai báo thông tin nhà cung cấp sau đó nhập thông tin cần thiết bấm nút (cắt) và (đóng) hoặc sử dụng phím Alt cộng C để lưu lại thông tin và quay trở lại giao diện màn hình phiếu nhập.
- Diễn giải: sửa theo nội dung diễn giải của công ty .
- Ngày hạch toán: lấy theo ngày hóa đơn.
- Ngày chứng từ: lấy theo ngày hóa đơn.

**Hình 2. 7: Giao diện tạo danh mục mã nhà cung cấp**

Trên tab hóa đơn:

- Mã hàng: di chuyển chuột tới dòng có chữ bấm vào đây để thêm mới sau đó gõ mã hàng hoặc tên hàng cần nhập để tìm dữ liệu. Nếu chưa nhập thông tin hàng hóa ở phần danh mục vật tư hàng hóa thì bấm tích vào hộp chọn sau đó bấm chọn dấu cộng xanh để thêm mới danh mục hàng hóa.
- Hệ thống hiện thị tên hàng, kho, tài khoản kho, đơn vị tính đã thiết lập từ danh mục, tài khoản công nợ (do tích chọn chưa thanh toán) sau đó kiểm tra lại xem kho, tài khoản kho, đơn vị tính đã chính xác chưa.
- Số lượng: nhập số lượng mặt hàng theo hóa đơn.
- Đơn giá: nhập đơn giá mặt hàng theo hóa đơn.
- Hệ thống sẽ tự hiển thị thành tiền bằng đơn giá nhân số lượng. Tuy nhiên phải kiểm tra số liệu làm tròn cho khớp với hóa đơn hay chưa.

| Mã hàng | Tên hàng                                 | Kho          | TK kho | TK công nợ | ĐVT   | Số lượng     | Đơn giá       |
|---------|------------------------------------------|--------------|--------|------------|-------|--------------|---------------|
| 83005   | Thiết bị xách tay Sony SVD13223CY        | HH           | 1561   | 331        | Chiếc | 5.00         | 24.090.600.00 |
| Mã hàng | Thiết bị xách tay                        | Số lượng tồn | 331    | Chiếc      | 5.00  | 7.181.800.00 |               |
| A3001   | Thiết bị quan sát IP-YS100               |              |        |            |       | 0.00         |               |
| A3002   | Thiết bị quan sát YS2200 HD 1080P        |              |        |            |       | 0.00         |               |
| A3003   | Thiết bị quan sát YS230 ngoài trời HD 10 |              |        |            |       | 8.00         |               |
| CC.VPP  | Văn phòng phẩm                           |              |        |            |       | 0.00         |               |
| CC1801  | Điện thoại Samsung Galaxy S7Edge G935F   |              |        |            |       | 0.00         |               |
| CC1802  | Giá hình thang 3 ngăn                    |              |        |            |       | 0.00         |               |
| CC1803  | Sọt                                      |              |        |            |       | 0.00         |               |
| CC1804  | Máy ĐKKK Daikin FTKS35GVM/RS3            |              |        |            |       | 0.00         |               |

**Hình 2. 8: Giao diện tạo mã hàng hóa mới**

Nhập tương tự với mặt hàng khác

Trên Tab thuế:

- Chọn lại % tiền thuế GTGT (nếu chưa thiết lập từ danh mục vật tư hàng hóa hoặc thiết lập sai).
- Kiểm tra lại tiền thuế phải khớp so với hóa đơn (nếu làm hóa đơn làm tròn).

**Hình 2. 9: Giao diện kiểm tra phần trăm thuế GTGT**

- Trên Tab Chi phí: thực hiện phân bổ chi phí mua hàng nếu có
- Kiểm tra lại thông tin tổng tiền hàng, tiền thuế GTGT, tổng tiền thanh toán cho khớp với hóa đơn
- Bấm nút cất trên thanh công cụ hoặc bấm tổ hợp phím Ctr + S để lưu lại dữ liệu vừa khai báo.

**Hình 2. 10: Giao diện kiểm tra hóa đơn để lưu trữ**

## 2.2.1.5 Nội dung hạch toán quá trình mua hàng

### 2.2.1.5.1 Tài khoản sử dụng:

Kế toán công ty Emin sử dụng tài khoản 156 “Hàng hóa” phản ánh giá trị hàng hóa nhập xuất tồn kho của công ty ở kho. Trong đó:

- Bên nợ: Phản ánh giá trị hàng hóa nhập vào trong kì.  
Trị giá hàng hóa thừa khi kiểm kê.
- Bên có: Phản ánh trị giá hàng hóa xuất ra trong kì.
- Trị giá hàng hóa thiếu khi kiểm kê

### 2.2.1.5.2 Nghiệp vụ thực tế phát sinh tại công ty:

- Trường hợp mua hàng đã thanh toán cho nhà cung cấp:

Ngày 11/06/2020 công ty Emin đặt mua dụng cụ đo điện áp, điện trở, dòng điện Fluke 17+ của công ty TNHH thương mại Anh Phát. Công ty Anh Phát giao hàng trong ngày kèm hóa đơn GTGT, kí hiệu AP/19E số 0002005. Thủ kho công ty nhận hàng, căn cứ phiếu nhập kho số NK-T06/0093 và hóa đơn GTGT, đã thanh toán cho công ty Anh Phát bằng tiền mặt PC số PC-C429/00216 kế toán ghi:

Nợ TK 156: 12.500.000

Nợ TK 133: 1.250.000

Có TK 111: 13.750.000.

- Trường hợp mua hàng chưa thanh toán cho nhà cung cấp:

Ngày 16/06/2020 công ty Emin đặt mua bộ cảm biến chuẩn DO\_MA9071 và máy đo pH/nhiệt độ\_MW102 của công ty Vinh Khôi. Công ty Vinh Khôi giao hàng trong ngày kèm hóa đơn GTGT, kí hiệu VK/19E số 0003909. Thủ kho công ty nhận hàng, căn cứ phiếu nhập kho số NK-T06/0126 và hóa đơn GTGT, chưa thanh toán cho công ty Vinh Khôi kế toán ghi:

Nợ TK 156: 8.261.000

Nợ TK 133: 826.100

Có TK 331: 9.087.100.

- Trường hợp vận chuyển hàng hóa nội bộ từ trụ sở chính sang các chi nhánh khác:

Ngày 27/06/2020 công ty Emin – chi nhánh miền Nam đặt hàng từ công ty Emin (trụ sở chính). Ngày 27/06/2020 công ty Emin chi nhánh miền Nam nhận được hàng kèm phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, kí hiệu NB/20E số 0000126, kế toán ghi:

Nợ TK 156: 11.903.684

Có TK 336: 11.903.684.

- Trường hợp mua hàng trả trước tiền cọc hàng:

Ngày 16/06/2020, công ty Emin đặt mua 1 máy cưa lọng Mikita 4328 và 1 máy khoan tốc độ cao (6.5mm) MT653 của công ty TNHH quốc tế Anh Hoàn. Là đối tác mới, phía công ty Anh Hoàn yêu cầu công ty Emin trả trước 2.000.000 đồng, phần còn lại sẽ trả sau khi giao hàng. Cùng ngày 16/06/2020 công ty Emin chi trả trước. Căn cứ phiếu chi số PC-C429/00230, kế toán ghi:

Nợ TK 131: 2.000.000

Có TK 111: 2.000.000

Ngày 17/06/2020 công ty TNHH quốc tế Anh Hoàn giao hàng kèm hóa đơn GTGT kí hiệu AH/19E số 0000469 ngày 17/06/2020. Công ty Emin nhận hàng, căn cứ PNK số NK-T06/0151 và hóa đơn GTGT, kế toán ghi:

Nợ TK 156: 4.690.909

Nợ TK 133: 469.091

Có TK 5.160.000

Phần còn thiếu, kế toán lập PC -429/00236. Khi thủ quỹ đã chi tiền, kế toán ghi:

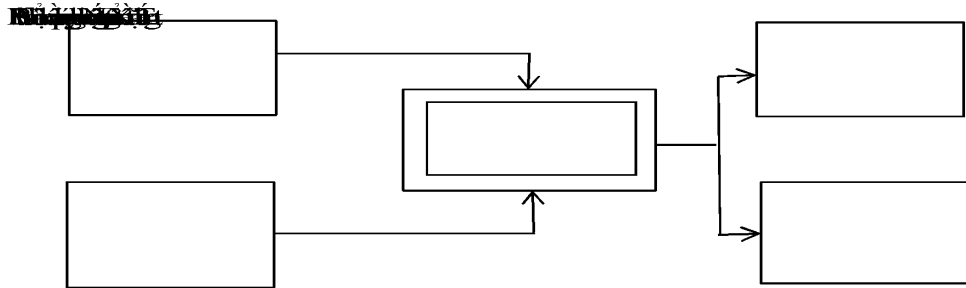
Nợ TK 331 – 3.160.000

Có TK 111: 3.160.000

### 2.2.2 Kế toán theo dõi hàng tồn kho

Bán hàng là khâu cuối cùng và có vai trò quan trọng đối với quá trình kinh doanh của doanh nghiệp, có bán được hàng thì mới có thu nhập để bù đắp những chi phí bỏ ra, có điều kiện để mở rộng hoạt động kinh doanh.

Mặt hàng kinh doanh của công ty rất đa dạng nhiều chủng loại hàng hóa về các mặt hàng điện tử được nhập từ nhiều nguồn khác nhau có thể mua trong nước hoặc nhập khẩu.



**Hình 2. 11: Sơ đồ theo dõi hàng tồn kho**

Ghi chú:

- Chứng từ nhập: Hóa đơn mua hàng và phiếu nhập kho theo đơn hàng đặt của công ty Emin.
- Chứng từ xuất: Hóa đơn bán hàng và phiếu xuất kho theo đơn hàng bán của công ty Emin.

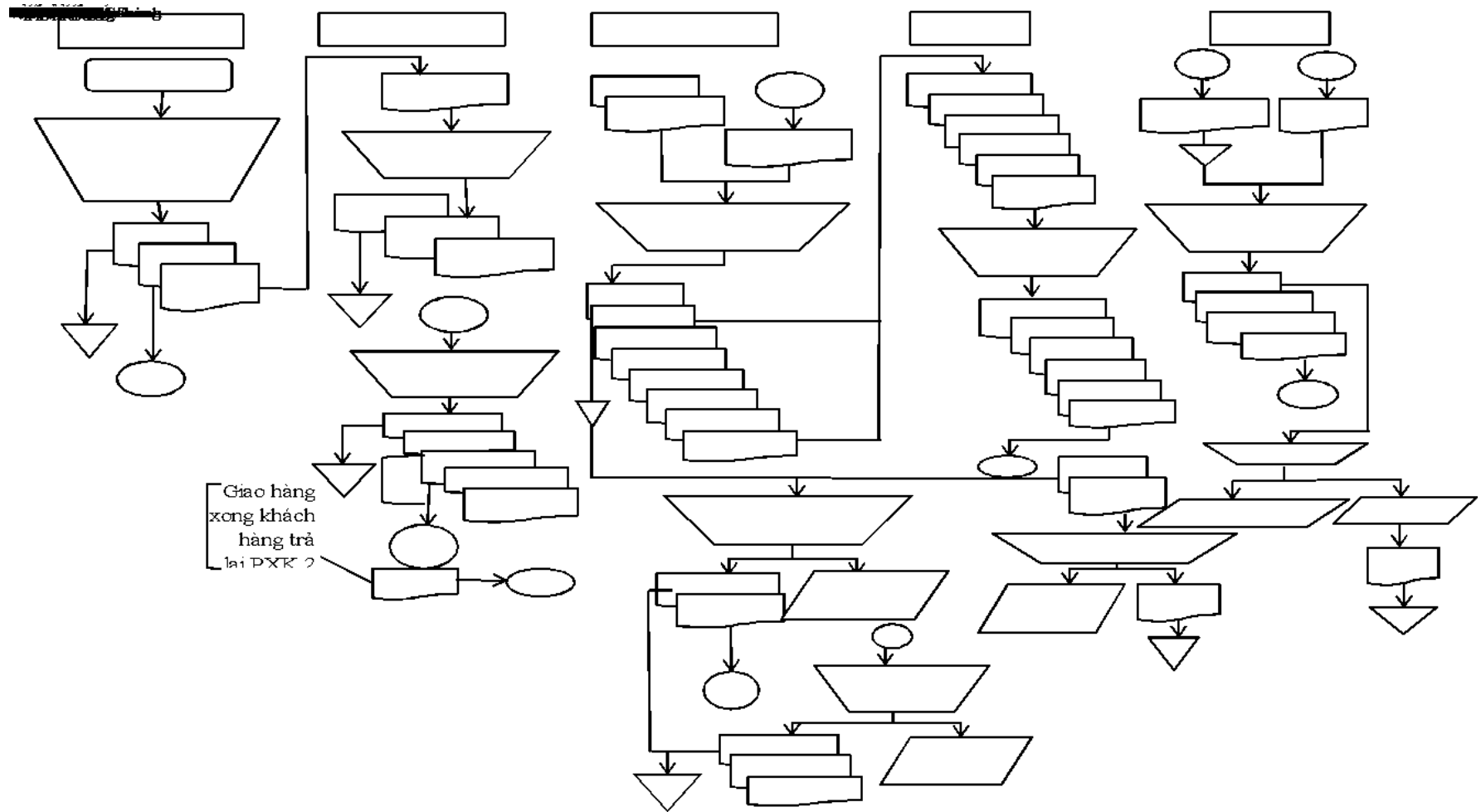
### 2.2.3 Kế toán bán hàng hóa

#### 2.2.3.1 Khái quát

Bán hàng là khâu cuối cùng trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thương mại, là quá trình người bán chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá cho người mua để nhận quyền sở hữu về tiền tệ hoặc quyền đòi tiền ở người mua.

#### 2.2.3.2 Trình tự luân chuyển hóa đơn





Hình 2. 12: Quy trình bán hàng tại công ty Emin

Giải thích sơ đồ:

Căn cứ vào chính sách hàng tồn kho, trưởng phòng kinh doanh tiến hành xét duyệt mức bán theo ngày cho nhân viên kinh doanh, lập thành 3 liên. Liên 1 gửi cho nhân viên bán hàng, liên 2 đưa cho bộ phận kế toán, liên 3 lưu lại bộ phận.

Nhân viên bán hàng căn cứ và biên bản xét duyệt mức bán hàng, tiến hành lập bảng kê hàng hóa theo danh sách khách hàng của mình gồm 2 bản. Sau đó lưu biên bản xét duyệt mức bán theo ngày gửi cả 2 liên bảng kê cho bộ phận kế toán.

Bộ phận kế toán căn cứ vào biên bản xét duyệt mức bán theo ngày liên 2 và bảng kê để viết hóa đơn GTGT, gồm 3 liên và 3 P XK. Lưu lại biên bản bán hàng theo ngày cùng liên 1 hóa đơn GTGT, gửi 3 P XK, 2 bảng kê cùng hóa đơn GTGT cho thủ kho.

Thủ kho căn cứ vào P XK, tiến hành xuất hàng, kí xác nhận lên 3 P XK rồi đưa cho nhân viên bán hàng 3 P XK cùng 1 bảng kê, 1 hóa đơn GTGT, thủ kho lưu lại 1 bảng kê.

Nhân viên bán hàng kí xác nhận lên 3 p XK và nhận hàng. Trả lại liên 1 và liên 3 P XK cho thủ kho. Cầm 1 bảng kê, 1 P XK, 1 hóa đơn GTGT giao cho khách hàng.

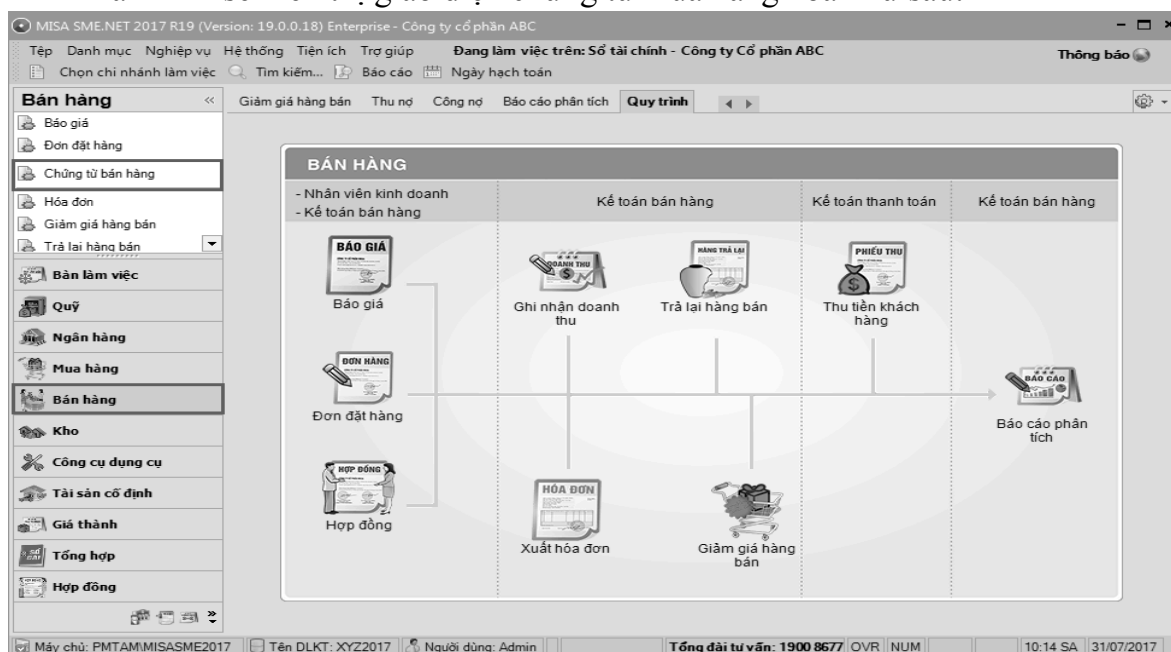
Thủ kho cầm 2 liên P XK, tiến hành ghi sổ - thẻ kho, lưu liên 3 P XK, chuyển 1 liên ho bộ phận kế toán.

Kế toán căn cứ các chứng từ từ thủ quỹ đưa như trên để ghi nhật kí thu tiền và công nợ, lưu phiếu thu liên 2, P XK liên 2, hóa đơn GTGT liên 1 tại bộ phận.

### 2.2.3.3 Trình tự luân chuyển hóa đơn bán hàng trên misa:

Vào menu nghiệp vụ chọn bán hàng sau đó chọn chứng từ bán hàng tiếp theo chọn chức năng thêm.

Màn hình sẽ hiển thị giao diện chứng từ mua hàng hóa như sau:



**Hình 2. 13: Giao diện chứng từ bán hàng**

Khai báo thông tin chi tiết về chứng từ bán hàng.

Chọn loại chứng từ bán hàng là Bán hàng hóa, dịch vụ trong nước.

Chọn phương thức thanh toán.

Tích chọn kèm phiếu xuất kho.

Tích chọn lập kèm hóa đơn.

Tại mục nhân viên bán hàng: chọn nhân viên tương ứng, nếu có nhu cầu theo dõi tình hình bán hàng chi tiết theo nhân viên bán hàng.

Mục điều khoản thanh toán (áp dụng với phương thức chưa thu tiền): chọn điều khoản đã được thiết lập trên danh mục điều khoản thanh toán, nếu có thỏa thuận về điều kiện thanh toán với khách hàng. Trong trường hợp đã thiết lập điều khoản thanh toán cho từng khách hàng tại danh mục khách hàng, thì chương trình sẽ tự động hiển thị sẵn thông tin này theo khách hàng được chọn.

Khai báo các thông tin của hàng hóa, dịch vụ bán ra.

**Chứng từ bán hàng**

1. Bán hàng hóa, dịch vụ trong nước | ☒ Kèm phiếu xuất kho

☐ Chưa thu tiền | ☐ Thu tiền ngay | ☐ Tiền mặt | ☒ Lập kèm hóa đơn

**Thông tin chung**

Khách hàng: 0101569364 | Công ty CP tư vấn đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông  
 Mã số thuế: 0101569346 | Người liên hệ:  
 Địa chỉ: Tòa nhà Elcom Building, phường Dịch Vọng Hậu - quận Cầu Giấy - TP Hà Nội  
 Diễn giải: Bán hàng cho công ty CP tư vấn đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông  
 NV bán hàng: | Tham chiếu:

**Chứng từ**

Ngày hạch toán: 12/06/2020  
 Ngày chứng từ: 12/06/2020  
 Số chứng từ: BH - 0089

Điều khoản TT: | Số ngày được nợ: | (ngày) | Hạn thanh toán: |

| 1. Hàng hóa | 2. Thuế                                            | 3. Giá vốn         | 4. Tổng kê   | 5. Khác | Loại tiền | Tỷ giá    |            |              |
|-------------|----------------------------------------------------|--------------------|--------------|---------|-----------|-----------|------------|--------------|
| Mã hàng     | Tên hàng                                           | TK công nợ chi phí | TK doanh thu | ĐVT     | Số lượng  | Đơn giá   | Thành tiền | Tỷ lệ CK (%) |
| FLuke 17B+  | Dụng cụ đo điện áp, điện trở, đồng điện Fluke 17B+ | 131                | 511          | Cái     | 1.00      | 2.915.000 | 2.915.000  | 0            |
| Số dòng = 2 |                                                    |                    |              |         | 1.00      |           | 2.915.000  |              |

Phân bổ chiết khấu... | **Tổng tiền hàng** 2.915.000 | **Tiền thuế GTGT** 291.500  
 Xem công nợ | **Tiền chiết khấu** 0 | **Tổng tiền thanh toán** 3.206.500

F3 - Tìm nhanh, F6 - chọn mã quy cách, Ctrl+F2 - Xem số tiền, Số TK: 5211 - Chiết khấu thương mại

**Hình 2. 14: Giao diện khai báo hàng hóa bán**

Khai báo các thông tin về thuế và hóa đơn:

Nếu không sử dụng phần mềm để quản lý việc xuất hóa đơn, kế toán nhập trực tiếp thông tin hóa đơn GTGT xuất cho khách hàng tại mục hóa đơn.

Nếu có sử dụng phần mềm để quản lý việc xuất hóa đơn, sau khi cất chứng từ bán hàng kế toán sẽ sử dụng chức năng cấp số hóa đơn.

**Chứng từ bán hàng**

1. Bán hàng hóa, dịch vụ trong nước ☒ Kiểm phiếu xuất kho

☒ Chưa thu tiền ☐ Thu tiền ngay Tiền mặt ☒ Lập kèm hóa đơn

Chứng từ ghi nợ **Phiếu gửi** **Hóa đơn**

**Thông tin chung**

Khách hàng: 0101569436 Công ty CP tư vấn đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông

Địa chỉ: Toa nhà Elcom Building - Phường Dịch Vọng Hậu - quận Cầu Giấy - TP Hà Nội

Mã số thuế: 0101569346 TK ngân hàng: Hình thức TT: TM/CK

Người mua hàng: Tham chiếu:

**Hóa đơn**

Mẫu số HD: 01.GTKT0002

Ký hiệu HD: EM.19E

Số hóa đơn: 0003974

Ngày hóa đơn: 12/06/2020

Điều khoản TT: Số ngày được nợ: (ngày) Hạn thanh toán:

1. Hàng tiền 2. **Thuế** 3. Giá vốn 4. Thông kê 5. Khác

| Mã hàng    | Tên hàng                                         | Đơn giá thuế         | % thuế GTGT | Tiền thuế GTGT | TK thuế GTGT |
|------------|--------------------------------------------------|----------------------|-------------|----------------|--------------|
| FLUKE 17B+ | Dụng cụ đo điện áp điện trở dòng điện Fluke 17B+ | Thuế GTGT Fluke 17B+ | 10%         | 291.500        | 33311        |

Số dòng = 2

Phân bổ chiết khấu: **Tổng tiền hàng** 3.206.500 **Tiền thuế GTGT** 291.500

Xem công nợ: **Tiền chiết khấu** 0 **Tổng tiền thanh toán** 2.915.000

F6 - chọn mã quy cách, Ctrl+F2 - Xem số tiền

**Hình 2. 15: Giao diện khai báo thông tin bán hàng**

Khai báo các thông tin xuất kho sau đó giá vốn xuất kho sẽ được chương trình tự động tính căn cứ vào phương pháp tính giá xuất kho đã được thiết lập trên hệ thống sau đó vào mục tùy chọn để chọn vật tư hàng hóa.

**Chứng từ bán hàng**

1. Bán hàng hóa, dịch vụ trong nước ☒ Kiểm phiếu xuất kho

☒ Chưa thu tiền ☐ Thu tiền ngay Tiền mặt ☒ Lập kèm hóa đơn

Chứng từ ghi nợ **Phiếu xuất** **Hóa đơn**

**Thông tin chung**

Khách hàng: 0101569346 Công ty cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông

Người nhận:

Địa chỉ: Toa nhà Elcom Building - phường Dịch Vọng Hậu - quận Cầu Giấy - TP Hà Nội

Lý do xuất: Xuất kho bán hàng cho công ty đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông

NV bán hàng: Kiểm theo: chứng từ gốc

Tham chiếu:

**Chứng từ**

Ngày hạch toán: 12/06/2020

Ngày chứng từ: 12/06/2020

Số phiếu xuất: 0003974

Điều khoản TT: Số ngày được nợ: (ngày) Hạn thanh toán:

1. Hàng tiền 2. Thuế 3. **Giá vốn** 4. Thông kê 5. Khác

| Mã hàng    | Tên hàng                                           | Kho | TK giá vốn | TK kho | ĐVT | Số lượng | Đơn giá vốn |
|------------|----------------------------------------------------|-----|------------|--------|-----|----------|-------------|
| Fluke 17B+ | Dụng cụ đo điện áp, điện trở, dòng điện Fluke 17B+ | 156 | 632        | 1561   | Cai | 1.00     | 0.00        |

Số dòng = 2

Phân bổ chiết khấu: **Tổng tiền hàng** **Tiền thuế GTGT**

Xem công nợ: **Tiền chiết khấu** 0 **Tổng tiền thanh toán**

F6 - chọn mã quy cách, Ctrl+F2 - Xem số tiền, F3 - Tìm nhanh

**Hình 2. 16: Giao diện khai báo thông tin phiếu xuất kho**

Bấm cất sau đó bấm đóng để lưu dữ liệu.

### 2.2.3.4 Nội dung hạch toán quá trình bán hàng

#### 2.2.3.4.1 Tài khoản sử dụng:

Cách tính giá hàng hóa xuất kho: công ty áp dụng việc tính giá xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO). Phương pháp này giúp công ty có thể tính được ngay trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng, do vậy đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép các khâu tiếp theo cũng như cho quản lý. Trị giá vốn của hàng tồn kho sẽ tương đối sát với giá thị trường của mặt hàng đó. Vì vậy chỉ tiêu hàng tồn kho trên báo cáo kế toán có ý nghĩa thực tế hơn.

Cách tính giá xuất kho: Giả định lô hàng nào nhập kho trước sẽ được xuất kho trước và lấy giá của lô đó để tính.

#### **2.2.3.4.2 Nghiệp vụ thực tế phát sinh tại công ty:**

- Trường hợp bán hàng chưa thu tiền khách hàng:

Ngày 30/06/2020 doanh nghiệp tư nhân sản xuất thương mại dịch vụ Quốc Trường đặt mua 1 máy hiện sóng số GWINSTEK GDS-11-2A-U và 1 thiết bị đo Kyoritsu – Ampe kìm 2117R của công ty Emin. Công ty Emin đồng ý giao hàng ngay và chưa thu tiền. Kế toán xuất hóa đơn số 004345 ngày 30/06/2020 và định khoản:

Nợ TK 131: 10.912.000

Có TK 511: 9.920.000

Có TK 33311: 992.000

Đồng thời kế toán nhập vào phần mềm kế toán, phần mềm sẽ tính giá xuất kho, căn cứ vào P XK – T06/0281, kế toán hạch toán giá vốn hàng bán:

Nợ TK 632: 7.861.092

Có TK 156: 7.861.092

- Trường hợp bán hàng đã thu tiền khách hàng:

Ngày 18/06/2020 công ty TNHH trang trí nội thất Rex mua 6 máy khoan hiệu Maktee MT 653, 1 máy cưa Makita 4328 và 1 máy mài Makita 9553NB tại công ty do anh Lê Việt Tiến nhân viên kinh doanh của công ty Emin chịu trách nhiệm tư vấn và bán cho công ty TNHH trang trí nội thất Rex. Công ty TNHH trang trí nội thất Rex nhận hàng và thanh toán ngay bằng tiền mặt, kế toán ghi nhận:

Nợ TK 111: 7.348.000

Có TK 511: 6.680.000

Có TK 33311: 668.000.

Đồng thời kế toán nhập vào phần mềm kế toán, phần mềm sẽ tính giá xuất kho, căn cứ vào P XK – T06/0281, kế toán hạch toán giá vốn hàng bán:

Nợ TK 632: 5.790.000

Có TK 156: 5.790.000.

- Trường hợp bán hàng thẳng chưa nhập kho:

Ngày 25/06/2020 Chi nhánh công ty TNHH Kinden Việt Nam đặt 1 thiết bị đo Kyoritsu – Ampe kìm 2056R của công ty Emin qua điện thoại. Công ty Emin đồng ý giao hàng ngay và chưa thu tiền. Kế toán xuất hóa đơn số 004345 ngày 30/06/2020 giao cho Kinden Việt Nam và hạch toán khoản phải thu:

Nợ TK 131: 4.235.000

Có TK 511: 3.850.000

Có TK 33311: 385.000

Đồng thời căn cứ hóa đơn số 0000399 ngày 25/06/2020 của công ty Nam Phát VQ và đơn đặt hàng, kế toán phản ánh giá vốn hàng bán:

Nợ TK 632: 3.414.400

Nợ TK 133: 341.440

Có TK 331: 3.755.840

Số hàng còn dư công ty Emin tiến hành nhập kho bình thường:

Nợ TK 156: 28.595.600

Nợ TK 133: 2.859.560

Có TK 331: 31.455.160.

- Trường hợp hàng bán bị trả lại:

Ngày 12/06/2020 công ty CP đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông đặt mua một dụng cụ đo điện áp, điện trở, dòng điện Fluke 17B+ do ông Nguyễn Trường Hào bộ phận kinh doanh của công ty Emin bán. Công ty Emin đồng ý giao hàng ngay nhưng khách hàng chưa thanh toán. Kế toán xuất hóa đơn số 0003974 ngày 12/06/2020 và định khoản:

Nợ TK 131: 3.206.500

Có TK 511: 2.915.000

Có TK 33311: 291.500.

Đồng thời kế toán nhập vào phần mềm kế toán, phần mềm sẽ tính giá xuất kho, căn cứ vào P XK – T06/0281, kế toán hạch toán giá vốn hàng bán:

Nợ TK 632: 2.500.000

Có TK 156: 2.500.000.

Ngày 15/06/2020 2020 công ty CP đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông thông báo dụng cụ đo điện áp, điện trở, dòng điện Fluke 17B+ bị lỗi kỹ thuật nên muốn trả lại hàng. Công ty Emin đồng ý và nhập lại kho:

Nợ TK 156: 2.500.000

Có TK 632: 2.500.000

Đồng thời ghi giảm doanh thu:

Nợ TK 5212: 2.915.000

Nợ TK 33311: 291.500

Có TK 131: 3.206.500.

### **CHƯƠNG 3: ĐƯA RA CÁC KIẾN NGHỊ VÀ GIẢI PHÁP**

#### **3.1 Kết luận**

Trong những năm vừa qua, công ty cổ phần Emin – chi nhánh miền Nam đã trải qua những thuận lợi và khó khăn, những bước thăng trầm và nhiều biến động của thị trường. Tuy nhiên công ty cổ phần Emin – chi nhánh miền Nam vẫn gặt hái được nhiều thành tích to lớn, đặc biệt trong lĩnh vực tiêu thụ hàng hóa. Doanh thu tiêu thụ hàng hóa tăng đều qua các năm.

Để có được những thành tích như trên, công ty cổ phần Emin – chi nhánh miền Nam đã không ngừng cố gắng, mở rộng thị trường tiêu thụ, có những giải pháp thỏa đáng đối với khách hàng quen thuộc và những khách hàng tiềm năng nhằm tạo ra sự gắn kết để có được những đầu ra dồi dào và một thị trường ổn định. Muốn đạt được kết quả như trên phải có sự nỗ lực không ngừng của tất cả các thành viên công ty, trong đó có sự đóng góp không nhỏ của bộ phận kế toán. Sau một thời gian được thực tập thực tế tại phòng kế toán của công ty cổ phần Emin – chi nhánh miền Nam, lần đầu được tiếp xúc với công tác kế toán nói chung và công tác kế toán tiêu thụ hàng hóa nói riêng, em nhận thấy tình hình công tác kế toán của công ty tương đối hợp lý, song vẫn còn tồn tại một số vấn đề chưa phù hợp. Với mong muốn hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán ở công ty em mạnh dạn nêu ra một số nhận xét của bản thân về công tác kế toán tiêu thụ hàng hóa ở công ty như sau:

##### **3.1.1 Điểm mạnh của công tác kế toán tại công ty cổ phần Emin – chi nhánh miền Nam.**

Về cơ bản, việc hạch toán của công ty là phù hợp với chế độ kế toán hiện hành, các chứng từ đều được sử dụng đúng mẫu, đúng quy định của bộ tài chính ban hành, những thông tin kinh tế về nội dung của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi nhận đầy đủ, chính xác vào chứng từ. Các chứng từ được kế toán tổng hợp, lưu giữ và bảo quản cẩn thận.

Về chứng từ, sổ sách hiện nay công ty đang áp dụng hình thức ghi sổ nhật ký chung. Đây là hình thức kết hợp giữ việc ghi chép hàng ngày và việc tổng hợp số liệu báo cáo tháng. Việc sử dụng các chứng từ kế toán trong nghiệp vụ tiêu thụ hàng hóa cũng như các nghiệp vụ kế toán khác trong công ty là hợp lý, tuân thủ đúng quy tắc ghi chép, luân chuyển chứng từ theo chế độ kế toán hiện hành. Chứng từ kế toán được quản lý chặt chẽ và mang tính pháp lý cao. Khi phát sinh nghiệp vụ tiêu thụ hàng hóa thì các chứng từ đều được lập đầy đủ, sau đó lập tức được chuyển đến phòng kế toán ngay trong ngày hoặc đầu giờ ngày hôm sau, như vậy chứng từ kế toán được theo dõi thường xuyên và chặt chẽ.

Công tác kế toán của công ty phản ánh đầy đủ chặt chẽ có hệ thống quá trình tiêu thụ hàng hóa, lập các báo cáo kế toán đầy đủ, đúng thời gian quy định đáp ứng kịp thời yêu cầu quản trị góp phần to lớn cho việc ra quyết định xử lý của các cấp lãnh đạo.

Sổ sách kế toán của công ty tương đối đầy đủ và tuân thủ các quy định, chế độ tài chính hiện hành gồm có: chứng từ, sổ cái, sổ chi tiết và một số sổ nhật ký khác,... để phản ánh, ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hệ thống chứng từ và sổ sách

kế toán được lưu trữ theo năm rất khoa học, thuận tiện cho việc kiểm tra đối chiếu khi cần thiết.

Hiện nay công tác kế toán của công ty được thực hiện bằng kế toán máy với phần mềm kế toán Misa. Chính việc áp dụng kế toán máy đã góp phần không nhỏ vào nâng cao hiệu quả công tác kế toán tại công ty, giúp cho việc nhập liệu nhanh gọn, không mất nhiều thời gian như kế toán thủ công, giảm bớt gánh nặng cho kế toán viên, hạn chế các sai sót trong tính toán cũng như trong nghiệp vụ công việc.

Qua đó cho thấy tổ chức hạch toán tiêu thụ hàng hóa là nội dung quan trọng trong công tác kế toán bán hàng tại công ty. Nó liên quan đến các khoản thu nhập thực tế và nộp cho ngân sách nhà nước, đồng thời phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của công ty trong lưu thông.

### **3.1.2 Một số hạn chế còn tồn tại trong công tác kế toán tại công ty cổ phần Emin – chi nhánh miền Nam.**

Bên cạnh những kết quả trong công tác tổ chức kế toán bán hàng mà kế toán công ty đã đạt được, còn có những tồn tại mà công ty Emin có khả năng cải tiến và hoàn thiện nhằm đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu trong công tác quản lý của công ty.

Phương thức bán hàng : hiện nay công ty mới có hai hình thức bán hàng là bán buôn qua kho và bán lẻ. Trong thời gian tới nếu công ty muốn tăng thêm doanh thu, thị phần thì phải mở rộng thêm một số phương thức bán hàng khác như: bán buôn vận chuyển thẳng, gửi đại lý bán,...

Chưa áp dụng hình thức chiết khấu thương mại: trong điều kiện cạnh tranh gay gắt giữa các công ty nhỏ với các siêu thị điện máy trên thị trường hiện nay, việc áp dụng linh hoạt các chính sách bán hàng là rất quan trọng. Hàng muốn bán được nhiều thì phải vừa đáp ứng tốt về chất lượng vừa có giá cả phải chăng và kết hợp với nhiều hoạt động giảm giá, khuyến mãi cho khách hàng. Hiện nay công ty vẫn chưa có hình thức chiết khấu thương mại dành cho khách hàng mua hàng.

Những nghiệp vụ có giá trị nhỏ thường không phản ánh đầy đủ vào trong các sổ cái và sổ chi tiết.

Việc trích lập dự phòng: số lượng khách hàng của công ty tương đối nhiều và việc bán hàng trả chậm là thường xuyên. Mặc dù trong báo cáo trường bộ phận kế toán có đề cập đến việc thu hồi nợ nhưng rủi ro nợ khó đòi vẫn xảy ra trong khi hiện nay công ty vẫn chưa thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

### **3.2 Đề nghị**

Quá trình bán hàng của công ty cần phải được tính toán khoa học cân nhắc căn cứ vào tiềm lực sẵn có như vốn, mạng lưới tiêu thụ, đồng thời là tốt công tác Marketing trong kinh doanh, giá bán phải linh hoạt từng thời điểm, có chính sách khuyến mãi, thưởng hợp lý nhằm kích thích khách hàng tiêu thụ sản phẩm thường xuyên cho công ty, như vậy công ty mới có một thị trường tiêu thụ sản phẩm một cách bền vững, lâu dài và sâu rộng. Nên tổ chức phân nhóm khách hàng, tổ chức lại kênh phân phối để việc giao hàng và theo dõi công nợ thuận lợi hơn.

Trong thời gian tới công ty cần tăng cường công tác kế toán công nợ và thanh toán. Tăng cường công tác kiểm soát nội bộ thường xuyên để phát hiện sai sót trong hạch toán. Tổ chức đào tạo thêm cán bộ để nâng cao trình độ của những người làm



công tác kế toán, để thực sự là công cụ quản lý hữu hiệu trong sản xuất kinh doanh của công ty.

Về việc nhận hóa đơn điện tử thường thì công ty chỉ nhận file PDF vì vậy công ty nên đề nghị khách hàng gửi cả hai file XML và PDF vì:

- + File chứa dữ liệu hóa đơn (file XML): bao gồm đầy đủ các dữ liệu của hóa đơn. File này có giá trị pháp lý khi chưa bị sửa đổi.

- + Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (định dạng PDF): Thể hiện nội dung kinh tế và nghiệp vụ của hóa đơn điện tử và tương đương với một tờ hóa đơn thông thường. Tuy nhiên, đây chỉ là bản thể hiện của file XML trên nên không có giá trị pháp lý.

Để quán triệt nguyên tắc thận trọng trong kế toán, công ty cổ phần Emin – chi nhánh miền Nam nên tiến hành lập dự phòng khoản phải thu khó đòi.

## **KẾT LUẬN**

Qua toàn bộ nội dung được trình bày ở trên, việc tổ chức tốt công tác kế toán bán hàng có ý nghĩa cực kì quan trọng đối với sự thành công của mỗi doanh nghiệp. Làm tốt nghiệp vụ công tác kế toán nói chung và kế toán bán hàng không những phản ánh trung thực khách quan tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mà còn giúp ích cho vấn đề quản trị doanh nghiệp, mở ra nhiều triển vọng mới cho doanh nghiệp.

Sau một thời gian thực tập tại công ty cổ phần Emin – chi nhánh miền Nam, quá trình tìm hiểu về công tác bán hàng đã cho thấy công ty đã phát huy nhiều mặt mạnh, bên cạnh đó cũng không thể tránh khỏi những mặt hạn chế. Để khắc phục phần nào những điểm chưa hoàn thiện, em xin đưa ra một số ý kiến đóng góp với mục đích hoàn thiện thêm phần kế toán bán hàng của doanh nghiệp. Ý kiến trên đây hy vọng rằng sẽ có tác dụng tốt đối với công tác kế toán bán hàng của công ty.

Do thực tế phong phú, sự đa dạng trong kinh doanh cũng như trình độ và thời gian thực tập có hạn nên quá trình thực hiện đề tài này không tránh khỏi những sai sót và khiếm khuyết. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các giảng viên, những người là công tác kế toán tại Công ty cổ phần Emin – chi nhánh miền Nam để báo cáo thực tập này được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn của thầy Hoàng Văn Thịnh và sự giúp đỡ nhiệt tình của các anh chị phòng kế toán công ty cổ phần Emin – chi nhánh miền Nam đã giúp e nghiên cứu và hoàn thiện bài báo cáo này.

Hồ Chí Minh, ngày , tháng, năm 2020

Sinh viên thực hiện

Ánh

Phạm Thị Ngọc Ánh

## **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Các khóa luận của anh (chị) năm trước, khoa kinh tế, ngành kế toán của các trường Đại học,..

Giáo trình kế toán tài chính của nhà xuất bản tài chính.

Các văn bản, tài liệu nội bộ của công ty cổ phần Emin – chi nhánh miền Nam.

**PHỤ LỤC**

Phụ lục 1: Hóa đơn GTGT (đầu vào)

Phụ lục 2: Phiếu thu

Phụ lục 3: Phiếu nhập kho

Phụ lục 4: Phiếu xuất kho

Phụ lục 5: Bảng cân đối tài khoản quý 2 năm 2020